

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	4
1. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất.....	5
2. Một số nội dung chính lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện	6
3. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	7
4. Sản phẩm giao nộp, lưu trữ:.....	7
 I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	8
1.1. Điều kiện tự nhiên	8
1.2. Kinh tế - xã hội.....	17
1.3. Thực trạng phát triển đô thị và nông thôn	19
1.4. Đánh giá về các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất	23
1.5. Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến tài nguyên - môi trường, xã hội, vấn đề sử dụng đất	24
1.6. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	26
 II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	28
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024.....	28
2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	30
2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	48
2.4. Phân tích, đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.....	49
 III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	55
3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất:.....	55
3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất:.....	65
3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	80
3.4. Diện tích đất cần thu hồi	81
3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	82
3.6. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.....	83
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	83
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch.....	84
 IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	87
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	87
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	92
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	92
 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	95
1. Kết luận.....	95
2. Kiến nghị	95

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. CMĐ SDĐ: Chuyển mục đích sử dụng đất
2. GPMB: Giải phóng mặt bằng
3. GD-ĐT: Giáo dục - đào tạo
4. HĐND: Hội đồng nhân dân
5. KHSDĐ: Kế hoạch sử dụng đất
6. KT-XH: Kinh tế - Xã hội
7. KDC: Khu dân cư
8. QL: Quốc lộ
9. TT: Thị trấn
10. TH: Tiểu học
11. THCS: Trung học cơ sở
12. THPT: Trung học phổ thông
13. TD-TT: Thể dục – thể thao
14. TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
15. UBND: Ủy ban nhân dân

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Trữ lượng khai thác tiềm năng nước ngầm huyện Long Phú	12
Bảng 2: Kết quả phân tích chất lượng đất tại huyện Long Phú.....	14
Bảng 3: Kết quả phân tích chất lượng không khí tại huyện Long Phú	16
Bảng 4: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	28
Bảng 5: Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 ..	31
Bảng 6: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025	33
Bảng 7: Danh mục công trình, dự án đề xuất bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất.....	35
Bảng 8: Danh mục các khu đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất và đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025	36
Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	36
Bảng 10: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	37
Bảng 11: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	46
Bảng 12: Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2024.....	47
Bảng 13: Các công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 ..	55
Bảng 14: Danh mục công trình, dự án có thay đổi thông tin so với phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú	56
Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2025.....	61
Bảng 16: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Long Phú.....	65
Bảng 17: Danh mục cơ sở nhà đất thực hiện đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trồng lúa năm 2025	68
Bảng 18: Danh mục công trình, dự án đất ở tại nông thôn và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025	70
Bảng 19: Danh mục công trình, dự án đất ở tại đô thị và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm năm 2025	71
Bảng 20: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025.....	73
Bảng 21: Danh mục công trình, dự án đất an ninh năm 2025	73
Bảng 22: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2025.....	74
Bảng 23: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở GD-ĐT năm 2025.....	75
Bảng 24: Danh mục công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ năm 2025	76
Bảng 25: Danh mục công trình, dự án đất công trình giao thông năm 2025	77
Bảng 26: Danh mục công trình, dự án đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2025	78
Bảng 27: Danh mục công trình, dự án đất tôn giáo năm 2025.....	80
Bảng 28: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025	81
Bảng 29: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025	82
Bảng 30: Ước tính thu – chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025	85

ĐẤT VÀN ĐỀ

Đất đai là tài sản vô cùng quý giá của Quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của sự sống và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Hiến Pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013, tại khoản 1 Điều 54 Chương III, đã nêu: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Luật Đất đai năm 2024 quy định việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Đất đai 2024: “*Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được lập hằng năm*”. Tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2024 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện có trách nhiệm chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện*”.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 60 Luật Đất đai năm 2024: “*Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt thì các chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt*”. Hiện nay, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023, đây là căn cứ pháp lý thực hiện công tác quản lý sử dụng đất đến năm 2030 và lập Kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện Long Phú.

Hiện nay, nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cụ thể hóa tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND về triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Do đó, công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú là nhiệm vụ cần phải thực hiện, nhằm cụ thể hóa công tác quản lý và sử dụng đất trong năm 2025. Kế hoạch sử dụng đất sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tạo quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất nhằm khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực về đất đai của địa phương.

1. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Các quy định chung:

- Luật Đất đai năm 2024 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất:

- Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;
- Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Bãi bỏ dự án Số thứ tự 5 Mục IX Phụ lục 1 tại khoản 1

Điều 1 đối với dự án cần THĐ, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để thực hiện các dự án đầu tư;

- Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thông qua Danh mục các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Một số nội dung chính lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện

- Diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch và được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm; dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi;

- Diện tích các loại đất, danh mục các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 của Luật Đất đai;

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

3. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- *Phương pháp thu thập tài liệu và điều tra, khảo sát thực địa:* Được dùng để thu thập các tài liệu, số liệu, bản đồ, thông tin về toàn bộ nội dung của các công trình, dự án làm cơ sở để điều tra, thu thập bổ sung dữ liệu, đối soát số liệu đã có về hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,... theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét duyệt.

- *Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích:* Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân loại theo nhóm, thống kê diện tích theo từng loại đất cho từng công trình, dự án đã thực hiện, chưa thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch hoặc hủy bỏ; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- *Phương pháp chuyên gia:* Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp của các Sở, Ngành trực thuộc tỉnh, đại diện Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo các Phòng, Ban và Ủy ban nhân dân 11 xã, thị trấn về kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú;

- *Phương pháp kế thừa:* Phân tích các tài liệu đã có trên địa bàn huyện, quy hoạch của các ngành đã và đang được xây dựng có liên quan đến việc sử dụng đất để so sánh biến động đất đai; đồng thời tiếp tục đưa vào kế hoạch những công trình, dự án chưa được thực hiện nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội của huyện.

- *Phương pháp bản đồ:* Sử dụng phần mềm bản đồ MicroStation để xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

4. Sản phẩm giao nộp, lưu trữ:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ:

- Tờ trình của UBND huyện Long Phú về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp "Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Phú - tỉnh Sóc Trăng"; trong đó kèm theo: bản đồ A3 và phụ lục (gồm: hệ thống bảng biểu số liệu và bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong năm kế hoạch);

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/25.000;

- Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;

- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng số);

- Đĩa CD chứa file số các hồ sơ, tài liệu nêu trên.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên ⁽¹⁾

a). Vị trí địa lý:

Long Phú nằm ở phía Đông tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 17 km về phía Đông. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 26.475,66ha (chiếm 7,99% tổng diện tích tự nhiên tỉnh Sóc Trăng). Huyện Long Phú có tọa độ địa lý từ 105° 98'27" – 106° 16'69" kinh độ Đông và 09°55'39" – 09°78'45" vĩ độ Bắc. Ranh giới hành chính huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Kế Sách;
- Phía Nam giáp huyện Trần Đề;
- Phía Đông giáp huyện Cù Lao Dung;
- Phía Tây giáp huyện Châu Thành, huyện Kế Sách và thành phố Sóc Trăng.

Có vị trí nằm trải dọc sông Hậu, Long Phú có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Trung tâm huyện được đặt ở thị trấn Long Phú, nơi tập trung đông dân cư nhất và là địa điểm đặt nhiều trụ sở, cơ quan, công trình sự nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhất trên địa bàn huyện. Ngoài ra, địa bàn huyện còn là cửa ngõ của thành phố Sóc Trăng hướng về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trung tâm vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long với các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 60, Quốc lộ Nam Sông Hậu, đường tỉnh 933, đường tỉnh 933C... Những ưu thế về vị trí địa lý đã tạo cho huyện Long Phú nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế - xã hội và là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

b). Địa hình, địa mạo:

Huyện Long Phú có địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ trung bình từ 0,70 – 1,20 m so với mực nước biển, có khuynh hướng thay đổi từ Đông sang Tây, cao ở phía bờ sông Hậu và thấp dần vào nội đồng. Mặt khác, do tác động của quá trình phát triển đô thị, công tác san lấp mặt bằng phục vụ các công trình xây dựng tạo sự thay đổi cục bộ ở các khu vực trung tâm.

Tuy địa hình bằng phẳng nhưng lại bị chia cắt bởi hệ thống kênh, rạch chằng chịt, các đặc tính địa chất công trình kém nên gây tốn kém trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Huyện Long Phú có vị trí tiếp giáp với thành phố Sóc Trăng và có nhiều tuyến giao thông quan trọng nhưng diện tích đất phi nông nghiệp chỉ chiếm 18,67% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó, diện tích đất phát triển hạ tầng chỉ chiếm 6,56% tổng diện tích tự nhiên.

⁽¹⁾ Nguồn tài liệu: Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Long Phú đến năm 2020.

c). Khí hậu:

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu huyện Long Phú có đặc điểm giống khí hậu tỉnh Sóc Trăng nói riêng và của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung như nền nhiệt dồi dào, biên độ nhiệt ngày đêm nhỏ, nhiệt độ cao đều quanh năm, được phân hóa thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 (trùng với gió mùa Tây Nam), mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 (trùng với gió mùa Đông Bắc). Ngoài ra, Long Phú còn chịu một phần ảnh hưởng của khí hậu vùng đồng bằng ven biển. Sự chênh lệch nhiệt độ bình quân giữa huyện và các vùng khác trong tỉnh trên dưới 1°C mỗi mùa. Đặc điểm khí hậu cụ thể như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm từ $26,6 - 26,9^{\circ}\text{C}$, chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng không lớn (khoảng $2,8^{\circ}\text{C}$);
- Lượng mưa: Lượng mưa trung bình năm biến động trong khoảng 1.840 - 1.860 mm. Lượng mưa phân bố không đồng đều giữa các mùa trong năm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 chiếm tới 90 – 95% lượng mưa cả năm;
- Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hằng năm là 84 – 85%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88 - 89%, độ ẩm thấp nhất đạt 75 – 76%;
- Năng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2.300 giờ/năm và có khuynh hướng giảm dần theo hướng Đông Bắc – Tây Nam;
- Gió: chịu ảnh hưởng của gió mùa. Trong năm thịnh hành hai hướng gió chính, gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam.

Nhìn chung, với năng lượng bức xạ dồi dào (bức xạ tổng cộng trung bình: 135-154 Kcal/cm²-năm), nắng nhiều (trung bình: 6,4 giờ/ngày). Nhiệt độ cao đều quanh năm (trung bình $26 - 27^{\circ}\text{C}$), rất thuận lợi cho thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và kiến tạo nhiều tầng sinh thái trong vườn cây lâu năm.

d). Thủy văn:

Hệ thống thủy văn khá đa dạng, ngoài hệ thống sông Hậu là dòng chảy chính, trên địa bàn huyện còn có hệ thống kênh, rạch chằng chịt với tổng chiều dài 924 km, mật độ 3,50 km/km². Ngoài ra, hệ thống thủy văn nơi đây còn chịu ảnh hưởng của thủy triều biển Đông do địa bàn nằm dọc theo sông Hậu đổ ra biển – hạ lưu châu thổ sông Mê Kông.

- Thủy triều biển Đông: thuộc dạng bán nhật triều không đều. Đỉnh triều cao, chân triều thấp, biên độ triều biến động mạnh tạo điều kiện cho việc tưới tiêu đồng ruộng. Mức nước bình quân nhiều năm (theo số liệu tại trạm Đại Ngãi) đỉnh triều dao động từ 1.200 - 1.600 mm;

- Sông Hậu: là dòng chảy chính, chảy dọc phía Đông huyện và đổ ra biển qua cửa Trần Đề. Đoạn chảy qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 27,7 km,

chiều rộng biến động trong khoảng 1.100 – 2.800 m. Lưu lượng nước khoảng 7.000 – 8.000 m³/s trong mùa mưa và chỉ còn 2.000 – 3.000 m³/s vào mùa khô;

- Sông Saintard: đoạn chảy qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 16 km, độ rộng từ 90 – 100m, có vai trò phân phối nước ngọt cho khu vực phía Tây của huyện;

- Hệ thống các kênh: Ban Long, Cái Xe - Ngan Rô, Tân Lịch - Sóc Dong, kênh 96 - Long Hưng, Hưng Thạnh, Bào Biền, Bà Sầm - Gòi, kênh 25/4,...

- Hệ thống sông, rạch tự nhiên: sông Long Phú, rạch Phú Hữu, Giang Cơ, Mương Điều, Mây Hắt, Vàm Thép, Chòi Mồi, Bưng Thum, Bào Tre, Mương Tra,...

Do địa bàn huyện nằm dọc theo sông Hậu đổ ra biển – hạ lưu châu thổ sông Mê Kông do đó chế độ thủy văn trên địa bàn chịu ảnh hưởng của dòng chảy sông Mê Kông, thủy triều Biển Đông, chế độ mưa khu vực và được phân chia thành 2 mùa rõ rệt:

- Mùa kiệt: thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 6 hằng năm, thời kỳ kiệt nhất vào trung tuần tháng 4. Vào mùa này ngoài các yếu tố thủy triều còn phụ thuộc vào diễn biến lưu lượng thượng nguồn sông Mê Kông đổ vào, biên độ nhiệt các tháng mùa kiệt lớn. Trong mùa kiệt, lưu lượng nước sông Hậu giảm mạnh ảnh hưởng lớn đến quá trình xâm nhập mặn ở Biển Đông.

- Mùa lũ: bắt đầu từ trung tuần tháng 7 đến tháng 11 hằng năm, mực nước trên sông Mê Kông tăng nhanh và dòng lũ chảy về phía hạ lưu kết hợp với triều cường, gió chướng làm mực thủy triều dâng cao, nếu không có đê bao ở khu vực có cao trình thấp sẽ bị ngập sâu dưới mực nước thủy triều, trung bình từ 0,3 - 0,5 m.

Vào thời kỳ mùa kiệt hằng năm (tháng 3 - 4), mực nước trên sông Hậu giảm mạnh, huyện Long Phú bị xâm nhập mặn qua hệ thống sông, kênh rạch trong vùng. Diễn biến xâm nhập mặn hằng năm tùy thuộc theo mùa và lưu lượng dòng chảy cửa sông Mê Kông. Trong bối cảnh thay đổi khí hậu toàn cầu, tình trạng xâm nhập mặn có xu hướng ngày càng gia tăng.

1.1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

a). Tài nguyên đất: ⁽²⁾

Theo Báo cáo điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019, trên địa bàn huyện Long Phú có các nhóm và loại đất chính như sau:

⁽²⁾ Nguồn tài liệu: Báo cáo điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

- Đất mặn: Nhóm đất này được chia thành 03 loại đất chính: Đất mặn nhiều (Hapli-Salic Fluvisols); Đất mặn ít và trung bình (Molli-Salic Fluvisols) và Đất mặn sú vẹt, đước (Gleyi-Salic Fluvisols). Đất mặn ít và trung bình chiếm diện tích chủ yếu trong nhóm đất mặn, hàm lượng dinh dưỡng trong đất khá, chỉ bị nhiễm mặn vào mùa khô với thời gian ngắn, nên thích hợp cho canh tác nông nghiệp: Lúa và rau màu các loại. Trên địa bàn huyện chỉ có đất mặn ít và trung bình, diện tích 817,6ha.

- Đất phèn: Có đặc điểm là hàm lượng độc tố cao, khá chua (đối với đất không bị nhiễm mặn), nghèo lân dễ tiêu. Nhóm đất phèn bị hạn chế bởi 1 trong 2 yếu tố chua phèn hoặc chịu đồng thời cả 2 yếu tố phèn và mặn. Do có hệ thống đê bao ngăn mặn và kênh tưới tiêu nội đồng phát triển tốt, nên mức độ ảnh hưởng mặn đối với đất phèn hoạt động đã giảm đáng kể, nhiều khu vực đã thoát khỏi ảnh hưởng của mặn. Tuy nhiên, trong khi yếu tố mặn giảm, thì độc tố phèn là hạn chế lớn đối với cây trồng canh tác trên các loại đất này. Trên địa bàn huyện, đất phèn chủ yếu là đất phèn hoạt động nông, mặn, diện tích 986,4ha.

- Đất Phù sa: Dựa vào mức độ phát triển và hình thái phẫu diện đất, nhóm đất phù sa được phân thành 3 loại đất sau: Đất phù sa không được bồi trung tính ít chua (Eutric Fluvisols); Đất phù sa gley (Gleyic Fluvisols); Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Cambic Fluvisols). Trên địa bàn huyện chủ yếu là đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, diện tích 17.937,7ha. Nhìn chung, đất phù sa có độ phì nhiêu khá cao, thành phần cơ giới nặng, điều kiện tưới tiêu khá thuận lợi; do đó rất thích hợp cho việc trồng lúa cao sản, thâm canh, tăng vụ và luân canh các loại hoa màu, cây ăn quả.

- Đất lập liếp: Đây là đất bị xáo trộn do lập liếp, còn gọi là đất liếp. Đất liếp bao gồm các đất thổ cư, đất lên liếp để trồng trọt (mía, cây ăn quả...), đất chịu ảnh hưởng lớn do tác động của con người, lớp phủ thổ nhưỡng dày >150 cm. Đất liếp trong canh tác nông nghiệp là đất đã chịu ảnh hưởng tác động của con người trong khoảng 50 - 100cm lớp đất mặt và chủ yếu sử dụng để sản xuất nông – lâm - ngư nghiệp, có thể thay đổi dạng hình liếp để phục vụ cho việc canh tác các loại cây trồng khác nhau. Diện tích đất liếp trên địa bàn huyện là 1.926,5ha.

- Đất phi nông nghiệp: Nhóm đất phi nông nghiệp gồm các loại đất: Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; Đất xây dựng công trình sự nghiệp gồm đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,.... Diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 4.862,7ha.

b). Tài nguyên nước: ⁽³⁾

Nguồn nước mặt và nước ngầm là hai nguồn nước chủ yếu để khai thác nước ngọt cho toàn huyện sử dụng.

- Nước mặt: Việc khai thác nước mặt dễ dàng nhờ sông Hậu và hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt như: Sông Saintard, rạch Giang Cơ, rạch Mương Điều,... với tổng chiều dài 924 km, mật độ 3,50 km/km². Hệ thống thủy văn của huyện còn chịu ảnh hưởng của thủy triều biển Đông do địa bàn nằm dọc theo sông Hậu đổ ra biển – hạ lưu châu thổ sông Mê Kông.

- Nước ngầm: Long Phú có nguồn nước ngầm rất phong phú được khai thác sử dụng cho việc sinh hoạt và tưới cây trồng. Theo báo cáo "*Quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020*", tài nguyên nước ngầm của huyện Long Phú có trữ lượng khai thác tiềm năng là 441.667 m³/ngày.

Dựa vào đặc điểm địa chất thủy văn, tài nguyên nước ngầm huyện Long Phú được chia thành 7 tầng chứa nước. Trong đó, các tầng chứa nước được khai thác, sử dụng nhiều và phổ biến hiện nay là tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên (qp₂₋₃) và tầng chứa nước Pleistocen dưới (qp₁). Cụ thể:

Bảng 1: Trữ lượng khai thác tiềm năng nước ngầm huyện Long Phú

STT	Tầng nước	Trữ lượng tiềm năng (m ³ /ngày)
1	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Holocen (qh)	421
2	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pleistocen trên (qp ₃)	17.074
3	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pleistocen giữa - trên (qp ₂₋₃)	98.057
4	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pleistocen dưới (qp ₁)	96.426
5	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pliocen giữa (n ₂ ²)	129.219
6	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pliocen dưới (n ₂ ¹)	-
7	Tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Miocen trên (n ₁ ³)	100.470
Tổng trữ lượng		441.667

Nhìn chung, nguồn tài nguyên nước của huyện khá dồi dào, chất lượng nước tương đối tốt, ít bị ô nhiễm vì thế có giá trị rất lớn trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, tạo nguồn thu chính cho địa phương.

c). Tài nguyên rừng:

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND về công bố hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, diện tích đất rừng trên địa bàn huyện Long Phú hiện còn 7,09ha đất rừng phòng hộ là rừng trồng (*không còn rừng tự nhiên*).

⁽³⁾ Nguồn tài liệu: Quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.

d). Tài nguyên biển:

Long Phú là huyện không tiếp giáp trực tiếp với biển, nhưng chịu ảnh hưởng của chế độ nhật triều Biển Đông, mùa khô bị nhiễm mặn qua hệ thống sông, kênh rạch.

e). Tài nguyên khoáng sản:

Với vị trí tiếp giáp với sông Hậu, tài nguyên khoáng sản huyện Long Phú tuy không phong phú về loại hình nhưng có tiềm năng khá lớn, nhất là nguồn tài nguyên cát lòng sông Hậu có thể khai thác làm vật liệu san lấp phục vụ nhu cầu trong tỉnh và các khu vực lân cận. Theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, trên địa bàn huyện Long Phú có:

- 02 khu vực được cấp phép thăm dò khoáng sản (cát san lấp) tại xã Song Phụng, với tổng diện tích 141,02ha, trữ lượng 2.389.521m³;

- 02 khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản (cát san lấp), với tổng diện tích 139,4ha, trữ lượng 2.243.720m³ (trong đó: khu vực xã Song Phụng có diện tích 93ha, với trữ lượng 1.640.520m³; khu vực xã Song Phụng, huyện Long Phú và xã An Thạnh Nhất, huyện Cù Lao Dung có diện tích 46,4ha, với trữ lượng 603.200m³).

f). Tài nguyên nhân văn và các nguồn tài nguyên khác:

Long Phú là địa bàn sinh sống hòa thuận của ba thành phần dân tộc chủ yếu là Kinh, Khmer, Hoa. Đây còn là vùng đất có truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước và cách mạng. Con người nơi đây tài hoa, thông minh, cần cù, chăm chỉ, nổi tiếng với truyền thống hiếu khách. Với truyền thống lịch sử lâu đời, người dân đã tạo dựng và để lại cho thế hệ ngày nay nhiều di sản văn hoá nhân văn mang đậm đà bản sắc dân tộc.

Sự kết hợp khéo léo giữa thiên nhiên và tài năng lao động, sức sáng tạo của con người đã tạo cho Long Phú một vùng đất trù phú, cảnh quan đa dạng, có sự giao thoa của các kiến trúc cổ và hiện đại, giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây với những nét tinh xảo độc đáo gắn liền với các lễ hội dân gian truyền thống như lễ hội Nghinh Ông được xem là một trong những ngày lễ mang đậm tính truyền thống của những ngư dân vùng biển.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các lễ hội khác như: Lễ kỷ yên đình Năm Ông và đình thần Nguyễn Trung Trực được tổ chức thường niên vào các ngày 10, 11, 12 tháng 3 âm lịch (đối với đình Năm Ông) và 16, 17, 18 (đối với đình thần Nguyễn Trung Trực); Lễ hội chùa Ông Bồn có nguồn gốc từ lễ hội của người Hoa và nhiều cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ cho các giáo dân Phật giáo, Tin lành, đạo Cao Đài, đạo Thiên chúa.

Đó là những nhân tố cơ bản, là sức mạnh tinh thần đề hướng tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong xu hướng hội nhập với cả nước, khu vực và Quốc tế, nó là thuận lợi để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc vững bước đi lên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá xây dựng huyện Long Phú ngày càng giàu, đẹp, văn minh.

1.1.3. Thực trạng môi trường ⁽⁴⁾

Long Phú có nhiều lợi thế về cảnh quan môi trường. Không khí trong lành, hệ thảm thực vật tự nhiên phong phú, với hệ thống kênh, rạch chằng chịt và sông ngòi bao bọc. Bên cạnh đó, Long Phú là một huyện nông nghiệp; công nghiệp, thương mại, dịch vụ chưa phát triển, chưa có khu công nghiệp tập trung nên các tác động xấu của con người đến môi trường chưa nghiêm trọng.

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 huyện Long Phú, thực trạng môi trường của huyện như sau:

a). Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất:

Nhằm đánh giá chất lượng môi trường đất trên địa bàn huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tiến hành lấy mẫu quan trắc tại những vị trí đại diện trên khu vực huyện Long Phú.

Thực hiện lấy 03 mẫu đất trên địa bàn huyện. Vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 2: Kết quả phân tích chất lượng đất tại huyện Long Phú

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2023/ BTNMT (Loại 1)
			Thị trấn Đại Ngãi	Xã Trường Khánh	Thị trấn Long Phú	
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,014	0,072	0,054	4
2	Chì (Pb)	mg/kg	19,8	16,5	20,6	200
3	Đồng (Cu)	mg/kg	19,7	18,0	28,0	150
4	Crom (Cr)	mg/kg	19,0	25,2	26,2	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	75,7	94,9	93,9	300
6	Asen (As)	mg/kg	3,73	2,89	3,87	25

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Sóc Trăng, năm 2023)

Qua kết quả phân tích thành phần đất cho thấy các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT. Nhìn chung, chất lượng đất trên địa bàn chưa bị ô nhiễm kim loại nặng.

b). Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường nước:

* Nước mặt lục địa:

Đối với huyện Long Phú nguồn nước mặt chịu sự tác động bởi các nguồn thải từ thượng nguồn, hoạt động của chợ, chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Nhằm đánh giá chất lượng môi trường nước mặt trên địa

⁽⁴⁾ Nguồn tài liệu: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 huyện Long Phú.

bàn huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tiến hành lấy mẫu quan trắc tại một số sông, kênh, rạch.

Thực hiện lấy 02 mẫu nước mặt/xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Chất lượng nước mặt tại 22 vị trí quan trắc được đánh giá dựa vào QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và kết quả quan trắc giai đoạn 2021 - 2023. Kết quả tính toán chất lượng nước theo chỉ số VN_WQI tại 22 vị trí quan trắc trên địa bàn huyện thể hiện:

- 01/22 điểm quan trắc có chất lượng nước rất tốt (*tại kênh Bà Xám, xã Long Đức*);
- 11/22 điểm quan trắc có chất lượng nước tốt;
- 09/22 điểm quan trắc có chất lượng nước đạt loại trung bình;
- 01/22 điểm quan trắc có chất lượng nước đạt loại kém (*tại sông Băng Long, xã Tân Hưng*).

Nguồn nước mặt bị ảnh hưởng bởi các nguồn thải từ chợ, hoạt động sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản), nước thải sinh hoạt của người dân,... nên vẫn còn một vài thông số vượt giới hạn tối đa gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người khi sử dụng cho mục đích sinh hoạt khi chưa có biện pháp xử lý phù hợp.

Do đặc thù môi trường nước mặt chứa nhiều phù sa và chịu ảnh hưởng của thủy triều biển Đông nên hàm lượng TSS (*tổng chất rắn lơ lửng*) trong nước mặt khá cao. Các thông số đánh giá để phân loại nước mặt cơ bản đáp ứng mức trung bình đến tốt ngoại trừ thông số COD (*lượng oxy cần thiết oxy hóa các chất hữu cơ trong nước*) và DO (*hàm lượng oxy hòa tan*) cho thấy hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm cần sử dụng oxy để phân huỷ mà chủ yếu là oxy hoá học. Do đó cần xem xét các nguồn thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn thải trực tiếp xuống sông, kênh, rạch làm tăng hàm lượng các chất ô nhiễm trong môi trường nước mặt như các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi nhỏ lẻ hay chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản để kịp thời có biện pháp xử lý và cải thiện chất lượng nguồn nước mặt hiện có.

*** Nước dưới đất:**

Trên địa bàn huyện Long Phú tồn tại 06 tầng chứa nước qh, qp₃, qp₂₋₃, qp₁, n₂² và n₁ có diện tích phân bố không đồng đều. Trữ lượng khai thác tiềm năng là 441.667m³/ngày, trong đó trữ lượng động được xem là trữ lượng khai thác an toàn là 23.774m³/ngày.

Để đánh giá chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện, tham khảo kết quả phân tích nước dưới đất tại Trạm cấp nước Đại Ngãi của Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép Trạm cấp nước Đại Ngãi năm 2023, kết quả như sau:

Bảng 7. Chất lượng nước dưới đất tại Trạm cấp nước Đại Ngãi

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 09:2023/ BTNMT
			Giếng ĐN1	Giếng ĐN2	
1	pH	-	7,0	7,15	5,5 - 8,5
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	261	223	1500
3	Độ mặn	mg/L	19	9	250
4	Độ cứng tổng (CaCO ₃)	mg/L	144	130	500
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,76	0,90	1
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,01	0,006	1
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,62	0,50	15
8	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	31	25	400
9	Sắt (Fe)	mg/L	0,95	1,06	5
10	Asen (As)	mg/L	KPH	KPH	0,05
11	Mangan (Mn)	mg/L	0,139	0,160	0,5
12	Coliforms	MPN/100ml	KPH	KPH	3
13	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép Trạm cấp nước Đại Ngãi, 2023)

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nguồn nước tốt, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

c). Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường không khí:

Với môi trường không khí tại huyện LongPhú, áp lực ô nhiễm không khí chủ yếu do hoạt động giao thông vận tải và xây dựng các công trình hạ tầng. Thực hiện thu mẫu không khí xung quanh tại 03 vị trí: Thị trấn Long Phú, thị trấn Đại Ngãi và xã Trường Khánh, nhằm đánh giá chất lượng môi trường không khí trên địa bàn huyện. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3: Kết quả phân tích chất lượng không khí tại huyện Long Phú

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/B TNMT	QCVN 26:2010/B TNMT
			TT Long Phú (Vòng xoay ngã ba Huyện ủy Long Phú)	TT ĐạiNgãi (Vòng xoay giao lộ QL.60 và QL.NSH)	Xã Trường Khánh (Cầu chợ Trường Khánh)		
1	Tiếng ồn	dBA	68,4	66,6	66,5	-	70
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	156,9	103,2	91,6	300	-
3	CO	µg/m ³	5.788,3	6.054,8	5.217,7	30.000	-
4	NO ₂	µg/m ³	14,6	13,8	13	200	-
5	SO ₂	µg/m ³	17,6	24,9	19,1	350	-

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Sóc Trăng, năm 2023)

Qua kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy chất lượng không khí trên địa bàn huyện tốt, các thông số đo đạc đều không vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

1.2. Kinh tế - xã hội ⁽⁵⁾

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện Long Phú cụ thể như sau:

1.2.1. Lĩnh vực nông nghiệp

- *Về sản xuất lúa*: tính theo năm lương thực, tổng diện tích xuống giống của 3 vụ lúa Đông Xuân 2023 - 2024, Đông Xuân muộn và Hè Thu năm 2024 là 38.056,91ha, tăng 2.055ha so cùng kỳ (*lúa đặc sản, lúa chất lượng cao 37.600ha, tăng 1.929ha so cùng kỳ*); thu hoạch 38.003ha, năng suất bình quân ước 5,96 tấn/ha, giảm 0,14 tấn/ha so cùng kỳ; tổng sản lượng ước đạt 226.653 tấn, đạt 122,89% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 3,26% so cùng kỳ (*trong đó, sản lượng lúa đặc sản, lúa chất lượng cao 224.190 tấn, chiếm tỷ lệ 98,91%, đạt 112,34% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 6.893 tấn so cùng kỳ*). Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được 85,35ha (*trong đó: cây lâu năm 51,56ha, cây hằng năm 33,79ha*).

- *Cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày*: đã gieo trồng được 3.071ha, đạt 122,84% chỉ tiêu, tăng 04ha so cùng kỳ. Trong đó, màu lương thực 388ha, màu thực phẩm 1.418ha, cây công nghiệp ngắn ngày 1.265ha (*mía 102,65ha*). Ước diện tích cây lâu năm 4.131,5ha, trong đó, diện tích cây ăn trái 2.441ha, gồm các loại cây chính như: Nhãn, xoài, bưởi, mận, ổi,...

- *Về chăn nuôi*: tổng đàn gia súc là 31.854 con (*đàn bò 6.013 con, đàn trâu 33 con, đàn heo 24.870 con, đàn dê 938 con*), đạt 109,78% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 1,01% so cùng kỳ; tổng đàn gia cầm 517.080 con, đạt 154,35% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 14,94% so cùng kỳ; tổng số nhà yến 32 nhà. Công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật chủ động triển khai thực hiện tốt theo kế hoạch, chưa phát hiện ổ dịch trên địa bàn.

- *Về thủy sản*: đã thả giống 801,04ha (tôm nước lợ 289ha; cá da trơn 16,04ha; cá ao mương vườn 496ha), đạt 121,37% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 2,35ha so cùng kỳ. Ước tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác 7.781 tấn (*tôm nước lợ 2.095 tấn, cá da trơn 4.516 tấn, cá ao mương vườn 967 tấn, khai thác 203 tấn*), đạt 162,1% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 1,97% so cùng kỳ.

1.2.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ

Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, toàn huyện hiện có 195 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tăng 14 cơ sở so với năm 2023. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2024 ước đạt 929 tỷ 250 triệu đồng (giá so sánh 2010), tăng 6,2% so với

(5) Nguồn tài liệu: Báo cáo số 488/BC-UBND ngày 09/12/2024 của UBND huyện Long Phú Tình hình KT-XH năm 2024 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KT-XH năm 2025; Niên giám thống kê năm 2023 của huyện Long Phú.

năm 2023 (giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2023 đạt 875 tỷ đồng). Ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội là 10.844 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2023 (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2023 là 9.500 tỷ đồng). Hướng dẫn 01 hộ kinh doanh và 01 doanh nghiệp xây dựng đề án khuyến công hỗ trợ từ nguồn khuyến công cấp huyện, với tổng kinh phí thực hiện là 150 triệu đồng.

Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục triển khai thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. Trong năm 2024, cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 139 hộ với tổng số vốn đăng ký 27 tỷ 265 triệu đồng, cấp thay đổi 46 hộ với số vốn tăng 708 triệu đồng và thông báo chấm dứt 48 hộ với số vốn giảm 14 tỷ 475 triệu đồng; tính đến nay, tổng số hộ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện 2.792 hộ, với tổng số vốn đăng ký kinh doanh 426 tỷ 036 triệu đồng. Toàn huyện hiện có 28 hợp tác xã đang hoạt động, với số vốn điều lệ 12 tỷ 548 triệu đồng; có 233 doanh nghiệp đang hoạt động. Hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” phối hợp với Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng (Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng) tổ chức chuyển bán hàng lưu động tại các xã, thị trấn theo kế hoạch; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tham gia các hoạt động trưng bày giới thiệu sản phẩm chủ lực của huyện và theo dõi diễn biến cung cầu thị trường trên địa bàn huyện. Tham gia hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP và đặc sản vùng miền - Sóc Trăng năm 2024 là một trong những sự kiện trong chuỗi hoạt động của Tuần lễ văn hoá, thể thao và du lịch lần thứ I và Lễ hội Oóc - Om - Boc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI năm 2024.

1.2.3. Dân số, lao động, việc làm và tình hình chăm sóc sức khỏe nhân dân

a). Dân số, lao động, việc làm:

Theo số liệu Niên giám thống kê huyện Long Phú, năm 2023 dân số toàn huyện là 93.435 người (trong đó nữ giới có 46.138 người và nam giới có 47.297 người). Dân số của huyện gồm 3 dân tộc chính (Kinh, Hoa, Khmer), trong đó người Kinh chiếm 72%, người Hoa chiếm 1%, người Khmer chiếm 27%.

Mật độ dân số bình quân 353 người/km². Dân cư của huyện phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã, thị trấn, đa số tập trung với mật độ cao tại các thị trấn, khu vực trung tâm nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, với hệ thống hạ tầng cơ sở khá đồng bộ. Mật độ dân số cao nhất là thị trấn Đại Ngãi với 1.102 người/km², tiếp đến là thị trấn Long Phú với 517 người/km², thấp nhất là xã Long Phú với 239 người/km², các xã còn lại mật độ dân số dao động từ 266 - 404 người/km². Cơ cấu dân số giữa đô thị và nông thôn năm 2023 là 24,18% - 75,82%. Năm 2023, huyện Long Phú có 53.568 người trong độ tuổi lao động, chiếm 57,33% dân số.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, mở các lớp đào tạo ngắn hạn, tư vấn, giới thiệu việc làm, tạo điều kiện các đối tượng cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống,... đã giải quyết việc làm cho 2.785 lao động, đạt 111,40% kế hoạch, tăng 2,69% so cùng kỳ, trong đó, lao động làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài là 40 người, đạt 133,33% kế hoạch, tăng 42,86% so cùng kỳ; đào tạo nghề cho 810 người, đạt 162% kế hoạch, tăng 6,86% so cùng kỳ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng cấp, chứng chỉ đạt 100,1% kế hoạch, tăng 2,84% so cùng kỳ.

b). Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân, đồng bào vùng dân tộc, vùng khó khăn tiếp tục được quan tâm thực hiện, tăng cường công tác truyền thông sức khỏe; chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh; thường xuyên theo dõi, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các trường hợp mắc bệnh, không để dịch bệnh lây lan diện rộng. Tính đến ngày 03 tháng 12 năm 2024, toàn huyện có 80 ca mắc bệnh sốt xuất huyết (ra viện), giảm 64 ca so cùng kỳ; có 186 ca mắc bệnh tay chân miệng (ra viện), giảm 130 ca so cùng kỳ; tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ ước đến cuối đạt 99,03%, đạt 100,03% kế hoạch, tăng 0,03% so cùng kỳ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ước đạt 8,49%, đạt 111,9% kế hoạch, tỷ lệ giảm tăng 1,18% so cùng kỳ; 11/11 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100% kế hoạch; 100% trạm y tế xã, thị trấn có Bác sĩ phục vụ, đạt 100% kế hoạch; tổng số giường bệnh hiện có 250 giường, đạt 100% kế hoạch; hiện có 58 bác sĩ, đạt 123,4% kế hoạch, tăng 1,75% so cùng kỳ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện, trong năm số người tham gia bảo hiểm y tế là 92.232 người, đạt 102,93% kế hoạch, tăng 0,94% so cùng kỳ (*tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc đạt 102,39% kế hoạch; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình đạt 101,84% kế hoạch*). Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi chiếm 45,01%, đạt 127,51% kế hoạch, tăng 36,68% so cùng kỳ (tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 125,27% kế hoạch, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 156,8% kế hoạch).

1.3. Thực trạng phát triển đô thị và nông thôn

1.3.1. Thực trạng phát triển đô thị

Huyện Long Phú có 2 thị trấn là: Thị trấn Long Phú và thị trấn Đại Ngãi (hiện là 02 đô thị loại V). Thị trấn Long Phú là nơi đặt trụ sở cơ quan hành chính của huyện gắn liền với trung tâm chính trị, văn hoá. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có các điểm dân cư nông thôn tập trung tại khu vực trung tâm các xã. Tình trạng đô thị hóa trên địa bàn huyện thể hiện các đặc điểm sau:

- Trung tâm huyện là thị trấn Long Phú, hình thành và phát triển trên trục đường tỉnh 933 - sông Long Phú, đang có khuynh hướng phát triển mạnh về phía Đông, có vai trò là trung tâm hành chính - chính trị - thương mại, dịch vụ của huyện. Nơi đây tập trung nhiều công trình dân dụng, kết cấu hạ tầng của cả huyện. Dân cư sống tập trung theo tuyến đường tỉnh 933 và xung quanh chợ Long Phú. Theo số liệu Niên giám thống kê huyện Long Phú năm 2023, dân số sống tại thị trấn Long Phú là 3.905 hộ dân, với 13.805 nhân khẩu, mật độ dân số là 517 người/km².

- Thị trấn Đại Ngãi nằm trên Quốc lộ Nam sông Hậu và Quốc lộ 60, là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh, được xem như đô thị trung tâm vùng phía Bắc và có khuynh hướng phát triển mạnh. Theo số liệu Niên giám thống kê huyện Long Phú năm 2023, dân số sống tại thị trấn Đại Ngãi là 2.456 hộ dân, với 8.787 nhân khẩu, mật độ dân số là 1.102 người/km².

- Ngoài ra, địa bàn huyện có 2 điểm cửa ngõ tập trung dân cư quan trọng:

+ Trường Khánh: cửa ngõ hướng về thành phố Sóc Trăng theo Quốc lộ 60 và có tác động đầu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Đại Ngãi.

+ Tân Thạnh: cửa ngõ hướng về thành phố Sóc Trăng theo đường tỉnh 933 và có tác động đầu cầu đối với phát triển dọc theo trục kênh Saintard.

Với các đặc điểm trên, hiện trạng đô thị hóa đã phát triển theo hình thái 2 đô thị trung tâm vùng trên trục ven sông Hậu với 2 trung tâm cửa ngõ hướng về TP Sóc Trăng.

Thị trấn Long phú

Về vị trí, thị trấn Long Phú nằm trên trục đường tỉnh 933 – sông Long Phú và đang có khuynh hướng phát triển mạnh ra hướng Đông, có vai trò là đô thị hành chính và thương mại dịch vụ.

Về các hoạt động kinh tế, hoạt động chủ yếu là thương mại dịch vụ, do diện tích tự nhiên lớn nên khu vực nông nghiệp vẫn còn đáng kể. Các hoạt động công nghiệp ít phát triển.

Về kết cấu hạ tầng đô thị, các khu nhà ở, các công trình dân dụng và kết cấu hạ tầng quan trọng chủ yếu tập trung dọc tuyến đường tỉnh 933 và xung quanh chợ Long Phú. Về cơ bản thị trấn đã được điều chỉnh quy hoạch chung và hình thành nhiều khu chức năng, theo đó khu hành chính sẽ chuyển sang phía đông, cải tạo lại khu chợ và trung tâm thương mại hiện hữu, phát triển thêm các khu nhà ở, khu đô thị mới, xây dựng đồng bộ các công trình phúc lợi,... Các công trình công cộng, hệ thống giao thông, hệ thống cấp thoát nước chỉ mới hình thành ở mức độ cơ bản tại khu vực trung tâm.

Thị trấn Đại Ngãi

Về vị trí, thị trấn Đại Ngãi nằm trên trục Quốc lộ Nam Sông Hậu và Quốc lộ 60 là điểm nút giao lưu kinh tế từ thành phố Sóc Trăng đi trung tâm vùng

Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đồng thời thị trấn Đại Ngãi cũng là đô thị tiếp cận Trung tâm điện lực Long Phú. Vai trò hiện trạng là khu thương mại dịch vụ.

Về các hoạt động kinh tế, hoạt động chủ yếu là thương mại dịch vụ, trong đó tính trung chuyển, đầu mối thể hiện khá rõ nét. Các hoạt động công nghiệp chủ yếu là các cơ sở quy mô nhỏ.

Về kết cấu hạ tầng đô thị, các khu nhà ở, công trình dân dụng và kết cấu hạ tầng quan trọng chủ yếu tập trung chung quanh khu phố chợ, mật độ dân cư cao và bắt đầu quá tải. Tuy nhiên không gian mở rộng và các vành đai phát triển đô thị trong tương lai sẽ bị hạn chế phần nào bởi 2 tuyến Quốc lộ Nam Sông Hậu và Quốc lộ 60. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn Đại Ngãi tại Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018. Các công trình công cộng, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước chỉ mới hình thành ở mức độ cơ bản tại khu vực trung tâm.

Các cụm dân cư quan trọng

Khu vực trung tâm xã Trường Khánh (hiện là đô thị loại V): Hoạt động chủ yếu là thương mại dịch vụ và là cửa ngõ của thị trấn Đại Ngãi hướng về thành phố Sóc Trăng, giao lưu chính theo 3 hướng: thành phố Sóc Trăng, thị trấn Đại Ngãi và Kế Sách.

Khu vực phát triển đô thị tại xã Tân Thạnh (thuộc ranh giới Quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng): Hoạt động chủ yếu là thương mại dịch vụ và là cửa ngõ của thị trấn Long Phú hướng về thành phố Sóc Trăng giao lưu theo 3 hướng chính: thành phố Sóc Trăng, thị trấn Long Phú và dọc theo kênh Saintard.

Nhìn chung trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội bộ mặt đô thị của các thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực. Từ khi được thành lập đến nay thị trấn Đại Ngãi có những bước phát triển, đô thị hoá nhanh hơn trước, các công trình công cộng, nhà ở của nhân dân được xây dựng kiên cố và khang trang; khu vực dịch vụ có bước phát triển. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp và số hộ sống phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp của thị trấn còn lớn, các cơ sở về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ phát triển chưa mạnh, số nhà tạm của các hộ gia đình còn tương đối nhiều.

Với điều kiện định hướng trong tương lai, đồng thời trong bối cảnh phát triển mạnh của trục Quốc lộ Nam Sông Hậu và các trục tuyến phát triển mới, dự báo các khu đô thị trên địa bàn huyện sẽ tăng trưởng rất nhanh. Nếu không sớm quy hoạch kết hợp với tách lập địa giới hành chính đô thị mới, phân khu chức năng và mở rộng, xây dựng đô thị, tình trạng phát triển đô thị, các ngành nghề công thương nghiệp và cư trú tự phát có khả năng dẫn đến nhiều tác động nghiêm trọng về mặt trật tự, môi trường đô thị và đặt ra nhiều vấn đề đối với kết cấu hạ tầng đô thị.

1.3.2. Thực trạng phát triển nông thôn

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, các điểm dân cư nông thôn có điều kiện phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực. Các tụ điểm dân cư truyền thống được hình thành tập trung bên cạnh những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với đặc điểm dân cư phân tán của vùng kinh tế lúa kết hợp kinh tế vườn, địa bàn dàn trải, các điểm dân cư trên địa bàn huyện tương đối phân tán, dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Long Phú hình thành theo 3 dạng chính:

- *Dạng tập trung thành cụm, điểm:* Hình thành các cụm, điểm dân cư tập trung xung quanh chợ và các khu trung tâm xã, trường học, trạm y tế,...

- *Dạng tuyến:* Phân bố dọc theo các trục đường giao thông, ven các sông, kênh rạch lớn.

- *Dạng phân tán:* Nhà ở phân bố rải rác, xen lẫn ngoài đồng, trong các khu vườn riêng và các tuyến kênh rạch nội đồng.

Đến nay, toàn huyện có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Trường Khánh, Tân Thạnh, Long Đức, Song Phụng, Phú Hữu, Châu Khánh, Hậu Thạnh); Ước thực hiện đến cuối năm 2024, 09/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Long Đức và Hậu Thạnh); Phần đầu năm 2025 đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Trong những năm qua do nguồn lực đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện rất nhiều nên được cải thiện đáng kể. Những trục đường huyện, đường giao thông nông thôn được đầu tư mở rộng và bê tông hóa. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí hạn hẹp một số tuyến đường huyện và các tuyến đường giao thông do địa phương quản lý có nhiều đoạn đã xuống cấp, kích thước chưa đảm bảo tiêu chuẩn, đường giao thông nông thôn với bề mặt còn nhỏ, nhiều đoạn đường tuy đã được cứng hóa bằng bê tông nhưng chưa đạt cấp kỹ thuật do Bộ Giao thông quy định. Hiện nay trên địa bàn huyện có 05 đơn vị thu gom rác thải tại 04 bãi rác và 01 lò đốt rác: Bãi rác xã Trường Khánh, bãi rác thị trấn Đại Ngãi, bãi rác thị trấn Long Phú, bãi rác xã Long Đức và lò đốt rác xã Tân Thạnh; Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn chỉ được hiện tại các khu vực nội ô, trung tâm các xã, thị trấn, chợ, trường học,... Hiện chưa có hệ thống thu gom và xử lý rác thải; nước thải sinh hoạt chủ yếu là chảy tự do xuống các ao, hồ, sông và thấm vào đất, đã phần nào gây ô nhiễm môi trường sống và đặc biệt gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước.

Các điểm dân cư cũ ngày càng mở rộng, các điểm dân cư mới đã bắt đầu phát triển, đường điện và nước sinh hoạt đáp ứng được nhu cầu người dân. Tuy nhiên, kiến trúc không gian các điểm dân cư còn bất hợp lý, chưa có hướng quy hoạch. Việc xây dựng nhà ở hoàn toàn mang tính tự phát, không đảm bảo kiến trúc và mỹ quan.

Trong tương lai việc phát triển thêm đất ở để đáp ứng nhu cầu là thực tế khách quan nhưng cần phải có sự điều chỉnh hợp lý các điểm dân cư hiện có cũng như phải hạn chế tối đa việc lấy đất nông nghiệp vào mục đích làm nhà ở (*nhất là những khu vực đất cho năng suất cao*). Đây là những vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của huyện.

1.4. Đánh giá về các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

1.4.1. Thực trạng về nguồn lực của huyện và tính phân bổ trong năm 2024:⁽⁶⁾

- *Về lĩnh vực tài chính, ngân sách:* Trong năm 2024, huyện Long Phú đã thực hiện điều hành dự toán thu - chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 67 tỷ 321 triệu đồng, đạt 110,73% chỉ tiêu Nghị quyết, giảm 4,8% so cùng kỳ. Ước chi ngân sách huyện 586 tỷ 838 triệu đồng, đạt 75,59% so với dự toán chi (776 tỷ 318 triệu đồng), so với cùng kỳ tăng 22,20%.

- *Về xây dựng cơ bản, đầu tư công:* Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của huyện là 172 tỷ 151 triệu đồng (*trong đó nguồn tỉnh giao 151 tỷ 624 triệu đồng; nguồn kết dư thu vượt ngân sách huyện 04 tỷ 085 triệu đồng*), đã phân bổ được 168 tỷ 498 triệu đồng, số vốn còn lại chưa phân bổ là 03 tỷ 653 triệu đồng (nguồn phân cấp ngân sách huyện, chờ đối ứng các dự án, nhiệm vụ đầu tư theo yêu cầu của cấp trên), triển khai thực hiện 53 dự án khởi công mới, 09 dự án chuyển tiếp và 10 dự án thanh toán các khoản công nợ sau quyết toán. Tính đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2024, đã giải ngân được 122 tỷ 015 triệu đồng, đạt 70,88% kế hoạch (đạt 72,41% vốn phân bổ). Ước đến cuối năm giải ngân đạt trên 95% tổng kế hoạch vốn đầu tư công.

- Tổng nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (*Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) trên địa bàn huyện là 87 tỷ 256 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 66 tỷ 852 triệu đồng, vốn sự nghiệp 20 tỷ 404 triệu đồng). Tính đến ngày 15 tháng 11 năm 2024, tổng giá trị giải ngân của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là 70 tỷ 058 triệu đồng/87 tỷ 256 triệu đồng, đạt 80,29% so với kế hoạch (trong đó, vốn đầu tư phát triển 55 tỷ 340 triệu đồng/66 tỷ 852 triệu đồng, đạt 82,78%; vốn sự nghiệp 14 tỷ 718 triệu đồng/20 tỷ 404 triệu, đạt 72,14%).

- Trong năm 2024, Huyện cũng đã phối hợp với Sở ngành tỉnh liên quan cung cấp thông tin các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện như: Dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú, Khu đô thị mới Đại Ngãi, khu đô thị mới Nam Sông

(6) Nguồn tài liệu: Báo cáo số 488/BC-UBND ngày 09/12/2024 của UBND huyện Long Phú Tình hình KT-XH năm 2024 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KT-XH năm 2025.

Hậu, khu đô thị mới Hướng Sông Hậu, Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm công nghiệp Long Đức 1 - Long Đức 2 - Long Đức 3, Khu du lịch - thể dục thể thao (Khu nghỉ dưỡng kết hợp sân Golf).

1.4.2. Đánh giá thực trạng về nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình chung còn nhiều khó khăn, Huyện đã tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đạt được trên các lĩnh vực; qua đó, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Long Phú đạt được kết quả khá toàn diện trên các mặt công tác. Trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước được quan tâm thực hiện và đạt khá; Tuy nhiên, nguồn lực ngân sách của Huyện vẫn còn hạn chế, phụ thuộc lớn vào sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước cấp trên.

- Trong năm 2024, Huyện cũng đã tập trung triển khai thực hiện tốt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; giải phóng mặt bằng, triển khai các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện.

- Huyện đã chú trọng khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội, thực hiện đầu tư có trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư đã được Huyện quan tâm, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh thực hiện. Tuy nhiên, việc kêu gọi đầu tư vào các dự án Khu đô thị, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực hiện được.

1.5. Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến tài nguyên - môi trường, xã hội, vấn đề sử dụng đất

1.5.1. Các hiện tượng biến đổi khí hậu bất thường trên địa bàn huyện Long Phú những năm gần đây

- Mực nước biển dâng, thay đổi chế độ ngập lụt, lũ lụt bất thường không theo quy luật. Theo thống kê, mực nước biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và huyện Long Phú tăng trung bình 0,56 cm/năm trong những năm gần đây.

- Chế độ khí hậu phân bố theo mùa có sự thay đổi, mùa mưa ngắn lại (Mùa mưa kết thúc sớm vào cuối tháng 10), mùa khô kéo dài dẫn đến tình trạng hạn hán, thiếu nước ngọt, nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền.

- Hiện tượng xâm nhập mặn tại các lưu vực ngày càng diễn ra nghiêm trọng hơn: Độ xâm nhập mặn vào hệ thống sông ngòi, kênh rạch trên địa bàn huyện Long Phú đang có diễn biến bất thường và phức tạp từ năm này qua năm khác, có sự thay đổi cả về thời gian, phạm vi và nồng độ mặn. Nồng độ mặn

thay đổi theo đặc thù từng năm phụ thuộc vào lượng nước sông Mekong, cũng như các yếu tố khí tượng, thủy văn, thủy triều trên toàn vùng theo thời gian và tổng lượng (Những dòng chảy trên toàn hệ thống sông Mekong đang ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm 10 - 20cm nên dòng chảy đổ ra cửa biển rất thấp, làm mặn xâm nhập sớm và lấn sâu vào đất liền gần 40km. Những ngày triều cường kết hợp với gió chướng thổi mạnh, mặn xâm nhập sâu đến 80km).

- Nhiệt độ không khí trung bình tăng (0,1° C trong vòng 30 năm qua) mùa hè dài hơn và ẩm hơn.

- Cường độ gió gia tăng mạnh. Các hiện tượng chưa từng ảnh hưởng nặng như bão đã bắt đầu xuất hiện tăng xuất hiện ngày càng gia tăng từ năm 1997 đến nay.

1.5.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và xã hội địa bàn huyện Long Phú

Theo Kịch bản biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng năm 2020 (Kịch bản nồng độ khí nhà kính trung bình thấp - RCP4.5): Qua đó, dự báo đến năm 2100, nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 47,29% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ bị ngập và tỉnh Sóc Trăng có nguy cơ bị ngập 55,41% diện tích (trong đó huyện Long Phú có nguy cơ ngập 30,77% diện tích).

Qua các kịch bản phân tích ở trên cho thấy, kịch bản nước biển dâng sẽ ảnh hưởng lớn đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội tại huyện Long Phú. Trong đó 2 môi trường bị tác động nặng nề nhất là môi trường sinh thái và đời sống kinh tế - xã hội của người dân, cả trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn trong tương lai. Hiện nay, huyện Long Phú đã và đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của các hiện tượng biến đổi khí hậu. Diện tích đất bị xâm nhập mặn tăng, đất bị khô hạn, gây khó khăn trong việc sản xuất lương thực, nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt khan hiếm hơn. Trong tương lai, khi những hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra một cách mạnh mẽ hơn. Những tác động chủ yếu đến tài nguyên môi trường và kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

- Đối với nông nghiệp: biến đổi khí hậu, nước biển dâng làm tăng nguy cơ lây lan bệnh hại cây trồng, đặc biệt là nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp; làm tăng khả năng sinh bệnh, truyền dịch của gia súc, gia cầm.

- Đối với thủy sản: sẽ ảnh hưởng nặng nề nhất, do thay đổi số lượng và chất lượng nước.

- Đối với hệ thống thủy lợi: biến đổi khí hậu, nước biển dâng sẽ làm ảnh hưởng đến hệ thống kênh mương nội đồng, trong đó chủ yếu là kênh cấp I, II.

- Đối với giao thông vận tải: biến đổi khí hậu, nước biển dâng lên sẽ làm vỡ kết cấu hạ tầng của giao thông, đường giao thông bị ngập, đặc biệt khi có bão và triều cường thì hệ thống giao thông bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Đối với công nghiệp và xây dựng: biến đổi khí hậu, nước biển dâng gây tình trạng ngập lụt, khó khăn trong việc cung cấp nước và nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy, hải sản.

- Đối với nhà cửa và dân cư: biến đổi khí hậu, nước biển dâng sẽ gây ra tình trạng ngập, hủy hoại các loại công trình xây dựng hạ tầng và kiến trúc cảnh quan.

- Đối với văn hóa thể thao, du lịch, thương mại dịch vụ: biến đổi khí hậu, nước biển dâng ảnh hưởng và gây tổn hại đến công trình di sản văn hóa, lịch sử, các khu du lịch sinh thái và các công trình hạ tầng liên quan khác.

Trước tình hình trên, nhiệm vụ đặt ra cho chính quyền và nhân dân huyện Long Phú là phải có những giải pháp, công tác chuẩn bị để ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo cuộc sống, bảo vệ an ninh kinh tế và an ninh xã hội.

1.6. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.6.1. Lợi thế:

- Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi nên trong những năm qua nền kinh tế của huyện Long Phú đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước,...) cũng như các công trình phúc lợi công cộng (trường học, trạm y tế,...) được quan tâm đầu tư. Trên địa bàn huyện đã và đang dần hình thành các dự án lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội như: Trung tâm điện lực Long Phú, Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm công nghiệp Long Đức 1, Cụm công nghiệp Long Đức 2 và Cầu Đại Ngãi,...

- Với vị thế nằm ven sông Hậu, cùng với hệ thống kênh rạch dày đặc (sông Saintard, sông Long Phú, kênh Bà Xâm, kênh Bàng Long, kênh Cái Xe - Ngan Rô,...) đã tạo điều kiện cho huyện Long Phú phát triển hệ thống giao thông, vận tải đường thủy, góp phần thuận lợi cho việc giao thương hàng hoá giữa các tỉnh thành trong khu vực và Quốc tế; phục vụ phát triển sản xuất, dịch vụ và phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Đồng thời tạo điều kiện tiêu thoát nước, giảm cường độ nhiệt, tạo cảnh quan sinh thái, cung cấp nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân; mang lại nguồn phù sa và các nguồn lợi thủy sản dồi dào.

- Đối với ngành thương mại dịch vụ, số cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ ngày càng có xu hướng tăng. Các công ty TNHH, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân đã dần hình thành và phát triển rộng trên địa bàn huyện. Tuy phát triển chưa tương xứng với tiềm năng song đã đạt được những thành tựu và tích lũy được nhiều kinh nghiệm bước đầu; hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là ở các khu trung tâm được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng đô thị hóa, hiện đại hóa thị trường ngày càng phát triển đa dạng là nền tảng và cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1.6.2. Hạn chế, khó khăn:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ yếu của địa phương, việc triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, chưa khai thác và phát huy hết tiềm năng sẵn có của địa phương. Sản xuất nông nghiệp chưa thật bền vững, còn nhiều rủi ro và bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố khách quan như: biến đổi khí hậu, thời tiết, dịch bệnh, giá cả không ổn định,...; việc tiêu thụ nông sản còn gặp khó khăn, thu nhập của người nông dân còn thấp; việc sản xuất gắn kết với thị trường cho sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ còn gặp nhiều khó khăn, phát triển chậm, quy mô nhỏ lẻ, thu hút vốn đầu tư chưa nhiều, chưa giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể còn lúng túng; các mô hình sản xuất, kinh doanh, kinh tế trang trại chưa được nhân rộng và hiệu quả chưa cao. Việc chuyển giao khoa học công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý còn thấp.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và quản lý thực hiện quy hoạch của các ngành, các cấp chưa cao, còn phát sinh tình trạng chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch - kế hoạch, xây dựng tự phát, thiếu kết nối với hạ tầng kỹ thuật và xã hội chung của huyện, làm phát sinh những vấn đề bức xúc về ô nhiễm môi trường, giao thông, tiện ích công cộng và các vấn đề xã hội khác.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải - rác thải,...) hiện còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển và chất lượng còn thấp, thiếu nguồn vốn để thực hiện những công trình, dự án cần thiết cấp bách. Cơ sở vật chất về văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục - thể thao, dù đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế hiện nay.

- Việc xử lý vi phạm về tài nguyên, môi trường một số nơi chưa tốt, nhất là tài nguyên nước trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; ý thức bảo vệ môi trường của người dân chưa cao. Việc triển khai ứng dụng các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

- Lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật và lao động qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu là lao động thủ công; do đó, chưa đủ đáp ứng yêu cầu của sản xuất công nghiệp qui mô lớn và hiện đại.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ⁽⁷⁾

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện năm 2024 là 26.475,66ha, chiếm 7,99% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, trong đó:

- *Đất nông nghiệp*: có diện tích 21.528,28ha, chiếm 81,31% tổng diện tự nhiên toàn huyện.

- *Đất phi nông nghiệp*: có diện tích 4.947,38ha, chiếm 18,69% tổng diện tự nhiên toàn huyện.

Diện tích, cơ cấu các loại đất cụ thể như sau:

Bảng 4: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		26.475,66	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.528,28	81,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA	15.888,47	73,80
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	15.888,47	73,80
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	525,17	2,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.810,01	22,34
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,09	0,03
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	242,50	1,13
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
1.9	Đất làm muối	LMU		
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	55,02	0,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.947,38	18,69
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	359,93	7,28
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	103,88	2,10
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,51	0,33
2.4	Đất quốc phòng	CQP	4,88	0,10
2.5	Đất an ninh	CAN	6,56	0,13
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	44,82	0,91
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,49	0,03
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,66	0,11

(7) Hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất tại phần này được đánh giá dựa trên hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất được quy định tại Điều 4, 5, 6, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,21	0,73
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,87	0,02
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,58	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	93,76	1,90
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	86,97	1,76
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,80	0,14
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.638,68	33,12
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	462,92	9,36
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	937,19	18,94
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD		
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,64	0,11
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	230,54	4,66
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,01
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,35	0,03
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,58	0,01
2.9	Đất tôn giáo	TON	18,51	0,37
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	8,89	0,18
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	35,79	0,72
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.613,55	52,83
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.613,55	52,83
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,63	0,03
3	Đất chưa sử dụng	CSD		

Ghi chú: Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được xây dựng trên cơ sở số liệu Thống kê đất đai năm 2023, đồng thời có chuyển các công trình, dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong KHSDD năm 2024.

(Diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2024 theo từng đơn vị hành chính cấp xã thể hiện chi tiết trong **Biểu 01/CH - Phụ lục số 1**).

2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước ⁽⁸⁾

2.2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 3464/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú.

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt, ngày 11 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã ban hành Thông báo số 03/TB-UBND về việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo kế hoạch duyệt; tập trung triển khai thực hiện các công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện của các công trình, dự án; giải quyết các khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án; tranh thủ mọi nguồn lực, vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án. Kết quả: đến nay, đã triển khai thực hiện được **18/58** công trình, dự án, đạt **31,03%** tổng số dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch.

2.2.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án và chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

a). Kết quả triển khai thực hiện các công trình, dự án:

Kết quả triển khai thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú, cụ thể như sau:

+ Công trình, dự án đã được triển khai thực hiện: **18/58** công trình, dự án (*Chi tiết tại Bảng 5*), với tổng diện tích 3,39ha (đạt 31,03% tổng số dự án và đạt 1,33% tổng diện tích dự án trong năm kế hoạch).

+ Công trình, dự án chưa triển khai thực hiện xong các thủ tục về đất đai: **33/58** công trình, dự án (*Chi tiết tại Bảng 6*), với tổng diện tích 99,86ha (chiếm 56,90% tổng số dự án và chiếm 39,23% tổng diện tích dự án trong năm kế hoạch).

+ Công trình, dự án đề xuất bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất: **07/58** công trình, dự án (*Chi tiết tại Bảng 7*), với diện tích 151,28ha (chiếm 12,07% tổng số dự án và chiếm 59,44% tổng diện tích dự án trong năm kế hoạch).

(8) Hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất tại phần này được đánh giá dựa trên hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú đã UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 (được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013).

b). Kết quả thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất: Đối với **07** cơ sở nhà, đất bán đấu giá quyền sử dụng đất (theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021) và **4,34 ha** đất nông nghiệp công ích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thực hiện đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất (theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đến nay vẫn chưa thực hiện hoàn thành các thủ tục, tổ chức đấu giá theo quy định (*Chi tiết tại Bảng 8*).

c). Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (*Chi tiết tại Bảng 9*):

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: thực hiện được 0,47/3,75ha, đạt 12,53% so với kế hoạch được duyệt;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: thực hiện được 1,49/8,30ha, đạt 17,95% so với kế hoạch được duyệt;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại - dịch vụ: thực hiện được 0,13/6,95ha, đạt 1,87% so với kế hoạch được duyệt;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện được 0,00/6,55ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm: thực hiện được 0,14/16,00ha, đạt 0,88% so với kế hoạch được duyệt;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác: thực hiện được 0,00/9,70ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 5: Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Đất an ninh					
1	Trụ sở Công an xã Hậu Thạnh	0,19	0,19 (DGD)	0,19 (CAN)	Xã Hậu Thạnh	Hiện nay, dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành, tiếp tục đăng ký KHSDĐ để thực hiện thủ tục điều chuyển đất công, cấp GCN QSDĐ.
2	Trụ sở Công an TT.Long Phú	0,13	0,13 (TSC)	0,13 (CAN)	TT Long Phú	
3	Trụ sở Công an xã Song Phụng	0,10	0,10 (TSC)	0,10 (CAN)	Xã Song Phụng	Hiện nay, đã bàn giao mặt bằng cho Công an tỉnh để đầu tư xây dựng, tiếp tục đăng ký KHSDĐ để thực hiện thủ tục điều chuyển đất công, cấp GCN QSDĐ.
4	Trụ sở Công an xã Long Đức	0,135	0,135 (TSC)	0,135 (CAN)	Xã Long Đức	
5	Trụ sở công an TT.Đại Ngãi	0,10	0,10 (TSC)	0,10 (CAN)	TT Đại Ngãi	
6	Trụ sở công an xã Trường Khánh	0,10	0,10 (DYT)	0,10 (CAN)	Xã Trường Khánh	
7	Trụ sở công an xã Phú Hữu	0,13	0,13 (DGD)	0,13 (CAN)	Xã Phú Hữu	
8	Trụ sở công an xã Long Phú	0,15	0,15 (TSC)	0,15 (CAN)	Xã Long Phú	

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
II	Đất giao thông					
9	Đường 4 Đém (ấp Mây Hắt)	0,11	0,11 (CLN)	0,11 (DGT)	Xã Hậu Thạnh	
10	Đường huyện 26	0,76	0,41 (LUC) 0,27 (CLN) 0,04 (NTD) 0,04 (DGT)	0,76 (DGT)	Xã Long Phú	
III	Đất xây dựng cơ sở văn hóa					
11	Nhà văn hóa ấp Hòa Hưng	0,11	0,11 (DGD)	0,11 (DVH)	Xã Long Đức	Hiện nay, dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành, tiếp tục đăng ký KHSDĐ để thực hiện thủ tục điều chuyển đất công, cấp GCN QSDĐ.
12	Nhà văn hóa ấp Sóc Dong	0,08	0,01 (DSH) 0,07 (DGD)	0,08 (DVH)	Xã Tân Hưng	
13	Nhà văn hóa ấp Tân Qui B	0,11	0,11 (PNK)	0,11 (DVH)	Xã Tân Hưng	
14	Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 1	0,02	0,02 (CLN)	0,02 (DVH)	TT Đại Ngãi	
IV	Đất xây dựng cơ sở y tế					
15	XD mới trạm y tế xã Long Phú	0,13	0,13 (DTT)	0,13 (DYT)	Xã Long Phú	Hiện nay, đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công để đầu tư xây dựng, tiếp tục đăng ký KHSDĐ để thực hiện thủ tục điều chuyển đất công, cấp GCN QSDĐ.
V	Đất ở tại nông thôn					
16	Giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất, nhà bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ Quốc lộ 60 đến Quốc lộ Nam Sông Hậu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	0,56	0,56 (ONT)	0,56 (ONT)	Xã Long Đức	
17	Giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất, nhà bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng	0,07	0,07 (ONT)	0,07 (ONT)	Xã Long Đức	
VI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
18	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Đại Ngãi	0,40	0,40 (TSC)	0,40 (TSC)	TT Đại Ngãi	

Bảng 6: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Đất an ninh					
1	Trụ sở công an xã Châu Khánh	0,17	0,17 (LUC)	0,17 (CAN)	Xã Châu Khánh	KHSDĐ năm 2025 có điều chỉnh vị trí thực hiện dự án.
2	Trụ sở công an xã Tân Hưng	0,145	0,11 (LUC) 0,035 (CLN)	0,145 (CAN)	Xã Tân Hưng	
II	Đất thương mại – dịch vụ					
3	Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên (Sân Golf)	90,00	90,00 (TMD)	90,00 (TMD)	Xã Song Phụng	
III	Đất giao thông					
4	Giải phóng mặt bằng bổ sung hạng mục kè gia cố bờ sông trên luồng Trần Đề (thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng)	0,35	0,35 (HNK)	0,35 (DGT)	Xã Long Đức	KHSDĐ năm 2025 có điều chỉnh diện tích thực hiện dự án: 0,40ha.
5	Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng	3,23	1,50 (LUC) 0,66 (HNK) 0,70 (CLN) 0,06 (TMD) 0,01 (SKC) 0,30 (ONT)	3,23 (DGT)	Xã Tân Thạnh Xã Tân Hưng	
6	Đường nối từ cầu Công Tác công âu Rạch Mộp đến đường huyện 20	0,37	0,08 (LUC) 0,29 (CLN)	0,37 (DGT)	Xã Song Phụng	KHSDĐ năm 2025 điều chỉnh tên dự án thành: “Đường đầu nối cống Ấu Rạch Mộp, xã Song Phụng, huyện Long Phú”.
IV	Đất xây dựng cơ sở văn hóa					
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,803	0,30 (DVH) 1,073 (CLN) 0,43 (ODT)	1,803 (DVH)	TT Long Phú	
8	Nhà văn hóa ấp Thạnh Đức	0,03	0,03 (DSH)	0,03 (DVH)	Xã Long Đức	KHSDĐ năm 2025 có điều chỉnh vị trí thực hiện dự án (diện tích dự án không thay đổi).
9	Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Bưng Thum	0,10	0,10 (DGD)	0,10 (DVH)	Xã Long Phú	
10	Nhà văn hóa ấp Phú Đức	0,23	0,23 (DGD)	0,23 (DVH)	Xã Long Phú	
11	Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Kinh Ngang	0,11	0,11 (DGD)	0,11 (DVH)	Xã Long Phú	
12	Nhà văn hóa ấp Tân Hội	0,12	0,12 (DGD)	0,12 (DVH)	Xã Tân Thạnh	

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
13	Nhà văn hóa ấp Ngã Tư	0,07	0,07 (DGD)	0,07 (DVH)	Xã Tân Thạnh	
14	Nhà văn hóa ấp Cái Xe	0,05	0,05 (DGD)	0,05 (DVH)	Xã Tân Thạnh	
15	Nhà văn hóa ấp Cái Đường	0,03	0,03 (CLN)	0,03 (DVH)	Xã Tân Thạnh	
16	Nhà văn hóa ấp Mương Tra	0,11	0,11 (DGD)	0,11 (DVH)	Xã Tân Thạnh	
17	Nhà văn hóa ấp Ngon	0,05	0,05 (CLN)	0,05 (DVH)	Xã Hậu Thạnh	KHSĐĐ năm 2025 có điều chỉnh vị trí thực hiện dự án (diện tích dự án không thay đổi).
18	Nhà văn hóa ấp Ngãi Phước	0,05	0,05 (DGD)	0,05 (DVH)	TT Đại Ngãi	
19	Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 2	0,01	0,01 (DKV)	0,01 (DVH)	TT Đại Ngãi	
20	Nhà văn hóa liên ấp Ngãi Hòa - An Đức	0,08	0,08 (DGD)	0,08 (DVH)	TT Đại Ngãi	
21	Nhà văn hóa ấp Trường An	0,05	0,02 (CLN) 0,03 (DGD)	0,05 (DVH)	Xã Trường Khánh	
22	Nhà văn hóa ấp Trường Thọ	0,14	0,14 (DGD)	0,14 (DVH)	Xã Trường Khánh	
23	Nhà văn hóa ấp Trường Bình	0,11	0,11 (DGD)	0,11 (DVH)	Xã Trường Khánh	
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo					
24	Mở rộng trường tiểu học Hậu Thạnh	0,42	0,10 (CLN) 0,32 (DGD)	0,42 (DGD)	Xã Hậu Thạnh	
25	Mở rộng trường tiểu học Tân Hưng C	0,53	0,13 (LUC) 0,40 (DGD)	0,53 (DGD)	Xã Tân Hưng	
VI	Đất ở tại nông thôn					
26	Khu tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (Khu tái định cư ấp Tân Lập)	0,34	0,17 (HNK) 0,17 (DGD)	0,34 (ONT)	Xã Long Phú	
VII	Đất ở tại đô thị					
27	Giao đất có thu tiền Khu vực Lò đường Quốc doanh (cũ), đổi diện Trung tâm Y tế, cấp đường Đặng Quang Minh (đoạn từ cổng Bệnh viện đến kênh Ba Tâm), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,09	0,09 (ODT)	0,09 (ODT)	TT Long Phú	
28	Giao đất ổn định cho 10 hộ dân thuộc khu đất đổi diện UBND TT Long Phú	0,11	0,11 (ODT)	0,11 (ODT)	TT Long Phú	
29	Giao đất ổn định cho 02 hộ dân thuộc khu đất Lò mô gia súc Ấp 2, thị trấn Long Phú	0,02	0,02 (ODT)	0,02 (ODT)	TT Long Phú	
30	Giao đất ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,04	0,04 (CAN)	0,04 (ODT)	TT Long Phú	

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
31	Giao đất ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,02	0,02 (CAN)	0,02 (ODT)	TT Long Phú	
VIII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
32	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh (Bao gồm diện tích xây dựng trụ sở và đường vào)	0,30	0,27 (LUC) 0,03 (ONT)	0,16 (TSC) 0,14 (DGT)	Xã Tân Thạnh	KHSDĐ năm 2025 điều chỉnh tên dự án thành: “Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng”.
IX	Đất cơ sở tôn giáo					
33	Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung	0,58	0,58 (HNK)	0,58 (TON)	Xã Long Phú	

Bảng 7: Danh mục công trình, dự án đề xuất bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Nguyên nhân
1	Cụm Công nghiệp Long Đức 1	53,84	Xã Long Đức	Dự án đăng ký thực hiện từ KHSDĐ năm 2021, đến nay đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện. Hiện nay, chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
2	Cụm Công nghiệp Long Đức 2	68,75	Xã Long Đức	
3	Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm Công nghiệp Long Đức 1, 2	9,60	Xã Long Đức	Dự án đăng ký thực hiện từ KHSDĐ năm 2022, đến nay đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện. Hiện nay, chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
4	Trạm biến áp 110kV Cảng Cái Côn và đường dây đầu nối	1,25	TT Đại Ngãi Xã Song Phụng	Dự án đăng ký thực hiện từ KHSDĐ năm 2022, đến nay đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; Đồng thời, hiện nay chủ đầu tư dự án chưa xác định, cung cấp thông tin về hướng tuyến, vị trí thu hồi đất của dự án.
5	Khu nhà ở thương mại Long Phú	17,06	TT Long Phú	Dự án đăng ký thực hiện từ KHSDĐ năm 2018, đến nay đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; Hiện nay, tạm dừng thực hiện, chờ QH chung xây dựng TT.Long Phú được duyệt để có cơ sở điều chỉnh QH chi tiết của dự án và tiếp tục kêu gọi đầu tư.
6	Xây dựng mới trạm y tế xã Long Đức, huyện Long Phú	0,20	Xã Long Đức	Hiện nay, trạm y tế xã Long Đức đã được xây dựng hoàn thành trên phần đất hiện trạng (không thực hiện thu hồi đối với phần diện tích đất dự kiến mở rộng).
7	Khu tái định cư dự án mở rộng đường tỉnh 933	0,58	Xã Tân Thạnh	Dự án không được bố trí vốn trong năm 2025.

Bảng 8: Danh mục các khu đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất và đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Các khu đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất					
1	Bán đấu giá khu đất Công ty TNHH Hưng Phú, ấp 4, thị trấn Long Phú	0,01	0,01 (SKC)	0,01 (ODT)	TT Long Phú	
2	Bán đấu giá khu đất Trụ sở Công an (cũ), ấp 3, thị trấn Long Phú	0,08	0,08 (CAN)	0,08 (ODT)	TT Long Phú	KHSDĐ năm 2025 điều chỉnh tên dự án thành: “UBND huyện quản lý tại Ấp 3, thị trấn Long Phú (vị trí trước đây bố trí tạm trụ sở của Công an huyện, hiện đang để trống không còn sử dụng)”.
3	Bán đấu giá khu đất UBND huyện quản lý (đổi diện khu đất trại giam cũ), ấp 5, thị trấn Long Phú	0,01	0,01 (ODT)	0,01 (ODT)	TT Long Phú	
4	Bán đấu giá khu đất UBND TT Long Phú (Kho thuốc sâu cũ), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,03	0,03 (ODT)	0,03 (ODT)	TT Long Phú	
5	Bán đấu giá khu đất Trường TH TT Long Phú C, ấp 1, thị trấn Long Phú	0,23	0,23 (DGD)	0,23 (ODT)	TT Long Phú	
6	Bán đấu giá khu đất Trường Mầm non TT Long Phú (điểm lẻ), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,02	0,02 (DGD)	0,02 (ODT)	TT Long Phú	
7	Bán đấu giá khu đất Trường TH Long Đức A (điểm lẻ), ấp Hòa Hưng, xã Long Đức	0,08	0,08 (DGD)	0,08 (ONT)	Xã Long Đức	
II	Các khu đất thực hiện đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất (đối với quỹ đất nông nghiệp công ích do UBND cấp xã quản lý)					
1	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất (đối với quỹ đất nông nghiệp công ích do UBND cấp xã quản lý)	4,34	4,34 (LUC)	4,34 (LUC)	Xã Long Phú, Xã Trường Khánh, TT Long Phú	

Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích đã thực hiện (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị	0,47	0,16 (LUC) 0,03 (HNK) 0,28 (CLN)	0,47 (ODT)	TT. Long Phú TT. Đại Ngãi

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích đã thực hiện (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
2	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn	1,49	0,82 (LUC) 0,21 (HNK) 0,46 (CLN)	1,49 (ONT)	Trên địa bàn 09 xã
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại - dịch vụ	0,13	0,02 (LUC) 0,11 (CLN)	0,13 (TMD)	TT. Long Phú Xã Châu Khánh
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm	0,14	0,14 (LUC)	0,14 (CLN)	Xã Tân Thạnh

2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú cụ thể như sau:

Bảng 10: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT năm 2023 theo KH được duyệt (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-) (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau (ha)	Diện tích hủy bỏ (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(5)-(6)	(10)	(11)=(9)-(-10)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			26.475,66	26.475,66	26.475,66					
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.527,67	21.354,20	21.524,77	-2,90	1,67	-170,58	-29,60	-140,98
	<i>Trong đó:</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	15.885,59	15.765,92	15.884,04	-1,55	1,30	-118,12	-34,93	-83,19
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>15.885,59</i>	<i>15.765,92</i>	<i>15.884,04</i>	<i>-1,55</i>	<i>1,30</i>	<i>-118,12</i>	<i>-34,93</i>	<i>-83,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	525,72	513,59	525,48	-0,24	1,98	-11,89	-8,72	-3,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.809,73	4.759,35	4.808,62	-1,11	2,20	-49,27	5,35	-54,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,09	7,09	7,09					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	242,60	241,60	242,60			-1,00	-1,00	
1.8	Đất làm muối	LMU								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	56,94	66,64	56,94			9,70	9,70	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.947,99	5.121,46	4.950,89	2,90	1,67	170,58	29,60	140,98
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,88	4,88	4,88					
2.2	Đất an ninh	CAN	5,52	6,73	6,56	1,04	85,89	0,17	0,17	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		122,59				122,59		122,59
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	86,83	93,68	86,96	0,13	1,90	6,72	6,72	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,77	12,94	6,77			6,17	6,17	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.740,83	1.744,68	1.741,34	0,51	13,27	3,33	6,08	-2,75

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT năm 2023 theo KH được duyệt (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-) (ha)	Trong đó:	
						Diện tích Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau (ha)	Diện tích hủy bỏ (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(5)-(6)	(10)	(11)=(9)-(10)
	Trong đó:									
2.9.1	Đất giao thông	DGT	466,59	474,02	467,42	0,83	11,17	6,60	4,09	2,51
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	936,89	930,73	936,89			-6,16	0,00	-6,16
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,66	4,83	1,98	0,32	10,12	2,84	2,84	
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,84	5,89	5,87	0,03	60,00	0,02	-0,09	0,11
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,52	34,68	36,02	-0,50	27,17	-1,34	-1,34	
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	1,00	0,09	0,87	-0,13	14,29	-0,78		-0,78
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	230,54	231,79	230,54			1,25		1,25
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,46	0,46	0,46					
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG								
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,64	5,67	5,64			0,03	0,00	0,03
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	18,51	19,09	18,51			0,58	0,58	
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	35,83	35,79	35,79	-0,04	100,00			
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH								
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH								
2.9.16	Đất chợ	DCH	1,35	1,64	1,35			0,29		0,29
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,59	0,54	0,58	-0,01	20,00	-0,04	-0,04	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		2,32				2,32		2,32
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	357,86	374,43	359,35	1,49	8,99	15,08	6,90	8,18
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	103,15	117,51	103,62	0,47	3,27	13,89	3,25	10,64
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,91	16,64	16,30	-0,61	227,78	0,34	0,34	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,58	0,58	0,58					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	8,84	8,84	8,84					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.613,47	2.613,47	2.613,47					
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC								
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,74	1,63	1,63	-0,11	100,00			
3	Đất chưa sử dụng	CSD								

Ghi chú:

- Cột (4) “HT năm 2023 theo KH được duyệt”: dựa trên số liệu HTSDD năm 2023 tại Biểu 01/CH trong KHSDD năm 2024 (được xây dựng trên cơ sở số liệu TKĐĐ năm 2022, đồng thời có chu chuyển các công trình, dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong KHSDD năm 2023).

- Cột (5) “Diện tích được duyệt”: dựa trên số liệu KHSDD năm 2024 của huyện Long Phú đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt theo QĐ số 3464/QĐ-UBND ngày 28/12/2023.

- Cột (6) “Kết quả thực hiện”: được tính từ số liệu HTSDD năm 2023 tại cột (4), đồng thời có chu chuyển các công trình, dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong KHSDD năm 2024.

a). Đất nông nghiệp: Hiện trạng năm 2023 là 21.527,67ha, kế hoạch năm 2024 là 21.354,20ha (*dự kiến giảm 173,48ha*), kết quả thực hiện giảm 2,90ha, đạt 1,67% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- **Đất trồng lúa:** Hiện trạng năm 2023 là 15.885,59ha, kế hoạch năm 2024 là 15.765,92ha (*dự kiến giảm 119,67ha*), kết quả thực hiện giảm 1,55ha, đạt 1,30% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất trồng lúa thực hiện giảm do dự án Đường huyện 26 có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đã được triển khai thực hiện; Đồng thời, do hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị và đất thương mại - dịch vụ*). Nguyên nhân đất trồng lúa thực hiện chưa đạt so với kế hoạch, do một số dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chưa được triển khai thực hiện như: Cụm Công nghiệp Long Đức 1; Cụm Công nghiệp Long Đức 2; Khu nhà ở thương mại Long Phú; Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm Công nghiệp Long Đức 1, 2; Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh; Trụ sở công an xã Châu Khánh; Trụ sở công an xã Tân Hưng; Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng; Đường nối từ cầu Công Tác cống âu Rạch Mộp đến đường huyện 20; Mở rộng trường tiểu học Tân Hưng C;... Đồng thời, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại – dịch vụ thực hiện chưa đạt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Hiện trạng năm 2023 là 525,72ha, kế hoạch năm 2024 là 513,59ha (*dự kiến giảm 12,13ha*), kết quả thực hiện giảm 0,24ha, đạt 1,98% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất trồng cây hàng năm khác thực hiện giảm do hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị*). Nguyên nhân đất trồng cây hàng năm khác thực hiện chưa đạt so với kế hoạch, do một số dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác chưa được triển khai thực hiện như: Cụm Công nghiệp Long Đức 1; Cụm Công nghiệp Long Đức 2; Khu tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (*Khu tái định cư ấp Tân Lập*); Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung; Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng; Giải phóng mặt bằng bổ sung hạng mục kè gia cố bờ sông trên luồng Trần Đề (*thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng*);... Đồng thời, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại – dịch vụ thực hiện chưa đạt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Hiện trạng năm 2023 là 4.809,73ha, kế hoạch năm 2024 là 4.759,35ha (*dự kiến giảm 50,38ha*), kết quả thực hiện giảm 1,11ha, đạt 2,20% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất trồng cây lâu năm thực hiện giảm do 03 dự án: Đường huyện 26, Đường 4 Đém (ấp Mây Hắt), Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 1 có chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm đã được triển khai thực hiện; Đồng thời, do hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị và đất thương mại - dịch vụ*). Nguyên nhân đất trồng cây lâu năm thực hiện chưa đạt so với kế hoạch, do một số dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm chưa được triển khai thực hiện như: Cụm Công nghiệp Long Đức 1; Cụm Công nghiệp Long Đức 2; Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng; Khu nhà ở thương mại Long Phú; Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm Công nghiệp Long Đức 1, 2; Khu tái định cư dự án mở rộng đường tỉnh 933; Trạm biến áp 110kV Cảng Cái Côn và đường dây đầu nối;... Đồng thời, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại - dịch vụ thực hiện chưa đạt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Hiện trạng năm 2023 là 242,60ha, kế hoạch năm 2024 là 241,60ha (*dự kiến giảm 1,00ha*), kết quả thực hiện không giảm, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú dự kiến nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở tại đô thị và đất thương mại - dịch vụ dọc theo tuyến Quốc lộ Nam Sông Hậu thuộc địa bàn thị trấn Long Phú; Tuy nhiên, trong năm 2024 chưa có trường hợp hộ gia đình, cá nhân đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở tại đô thị và đất thương mại - dịch vụ trong khu vực này, dẫn đến chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2023 là 56,94ha, kế hoạch năm 2024 là 66,64ha (*dự kiến tăng 9,70ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân đất nông nghiệp khác thực hiện không đạt so với kế hoạch, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác tại thị trấn Long Phú, xã Trường Khánh và xã Tân Hưng thực hiện không đạt.

b). Đất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2023 là 4.947,99ha, kế hoạch năm 2024 là 5.121,46ha (*dự kiến tăng 173,48ha*), kết quả thực hiện tăng 2,90ha, đạt 1,67% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- **Đất an ninh:** Hiện trạng năm 2023 là 5,52ha, kế hoạch năm 2024 là 6,73ha (*dự kiến tăng 1,21ha*), kết quả thực hiện tăng 1,04ha, đạt 85,89% kế hoạch được duyệt (*do dự án 08 dự án đất an ninh đã được triển khai thực hiện: Trụ sở Công an thị trấn Long Phú, Trụ sở công an Thị trấn Đại Ngãi, Trụ sở Công an xã Song Phụng, Trụ sở Công an xã Long Đức, Trụ sở công an xã Trường Khánh, Trụ sở công an xã Phú Hữu, Trụ sở Công an xã Hậu Thạnh và Trụ sở công an xã Long Phú*). Nguyên nhân, đất an ninh thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do 02 dự án: Trụ sở công an xã Châu Khánh và Trụ sở công an xã Tân Hưng chưa được triển khai thực hiện.

- **Đất cụm công nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 0,00ha, kế hoạch năm 2024 là 122,59ha (*dự kiến tăng 122,59ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện 02 dự án Cụm Công nghiệp Long Đức 1 và Cụm Công nghiệp Long Đức 2; Tuy nhiên, hiện nay 02 dự án này chưa được triển khai thực hiện, dẫn đến chỉ tiêu đất cụm công nghiệp thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại - dịch vụ:** Hiện trạng năm 2023 là 86,83ha, kế hoạch năm 2024 là 93,68ha (*dự kiến tăng 6,85ha*), kết quả thực hiện tăng 0,13ha, đạt 1,90% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất thương mại - dịch vụ thực hiện tăng do hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất tại thị trấn Long Phú và xã Châu Khánh*). Nguyên nhân đất thương mại – dịch vụ thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp sang đất thương mại – dịch vụ thực hiện chưa đạt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 6,77ha, kế hoạch năm 2024 là 12,94ha (*dự kiến tăng 6,17ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện không đạt so với kế hoạch do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thực hiện được.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Hiện trạng năm 2023 là 1.740,83ha, kế hoạch năm 2024 là 1.744,68ha (*dự kiến tăng 3,84ha*), kết quả thực hiện tăng 0,51ha, đạt 13,27% so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** Hiện trạng năm 2023 là 466,59ha, kế hoạch năm 2024 là 474,02ha (*dự kiến tăng 7,43ha*), kết quả thực hiện tăng 0,83ha, đạt 11,17% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất giao thông thực hiện tăng do 02 dự án: Đường huyện 26 và Đường 4 Đém (ấp Mây Hắt) đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất giao thông thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do các dự án: Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh

Sóc Trăng; Giải phóng mặt bằng bổ sung hạng mục kè gia cố bờ sông trên luồng Trần Đề (thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng); Đường nối từ cầu Công Tác cống âu Rạch Mốp đến đường huyện 20 và đất giao thông thuộc dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất thủy lợi*: Hiện trạng năm 2023 là 936,89ha, kế hoạch năm 2024 930,73ha (*dự kiến giảm 6,16ha*), kết quả thực hiện không giảm, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do 03 dự án: Khu nhà ở thương mại Long Phú; Cụm Công nghiệp Long Đức 1; Cụm Công nghiệp Long Đức 2 có chuyển mục đích sử dụng đất thủy lợi nhưng chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Hiện trạng năm 2023 là 1,66ha, kế hoạch năm 2024 là 4,83ha (*dự kiến tăng 3,16ha*), kết quả thực hiện tăng 0,32ha, đạt 10,12% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa thực hiện tăng do các dự án: Nhà văn hóa ấp Hòa Hưng, Nhà văn hóa ấp Sóc Dong, Nhà văn hóa ấp Tân Qui B, Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 1 đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất xây dựng cơ sở văn hóa thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do các dự án: Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Bưng Thum; Nhà văn hóa ấp Phú Đức; Nhà văn hóa ấp Tân Hội; Nhà văn hóa ấp Ngã Tư; Nhà văn hóa ấp Thạnh Đức; Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Kinh Ngang; Nhà văn hóa ấp Cái Xe; Nhà văn hóa ấp Cái Đường; Nhà văn hóa ấp Muong Tra; Nhà văn hóa ấp Ngọn; Nhà văn hóa ấp Ngãi Phước; Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 2; Nhà văn hóa liên ấp Ngãi Hòa - An Đức; Nhà văn hóa ấp Trường An; Nhà văn hóa ấp Trường Thọ; Nhà văn hóa ấp Trường Bình chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Hiện trạng năm 2023 là 5,84ha, kế hoạch năm 2024 là 5,89ha (*dự kiến tăng 0,05ha*), kết quả thực hiện tăng 0,03ha, đạt 60% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất xây dựng cơ sở y tế thực hiện tăng do dự án Xây dựng mới trạm y tế xã Long Phú đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân, đất xây dựng cơ sở y tế thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do dự án Xây dựng mới trạm y tế xã Long Đức (*đối với phần diện tích mở rộng theo kế hoạch*) chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*: Hiện trạng năm 2023 là 36,52ha, kế hoạch năm 2024 là 34,68ha (*dự kiến giảm 1,84ha*), kết quả thực hiện giảm 0,50ha, đạt 27,17% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo thực hiện giảm do 04 dự án: Trụ sở Công an xã Hậu Thạnh, Trụ sở công an xã Phú Hữu, Nhà văn hóa ấp Hòa Hưng và Nhà văn hóa ấp Sóc Dong có chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do các dự án: Khu tái định cư dự án

Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (*Khu tái định cư ấp Tân Lập*); Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Bưng Thum; Nhà văn hóa ấp Phú Đức; Nhà văn hóa ấp Tân Hội; Nhà văn hóa ấp Ngã Tư; Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Kinh Ngang; Nhà văn hóa ấp Cái Xe; Nhà văn hóa ấp Mương Tra; Nhà văn hóa ấp Ngãi Phước; Nhà văn hóa liên ấp Ngãi Hòa - An Đức; Nhà văn hóa ấp Trường An; Nhà văn hóa ấp Trường Thọ; Nhà văn hóa ấp Trường Bình; Bán đấu giá khu đất Trường TH TT Long Phú C, ấp 1, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất Trường Mầm non TT Long Phú (điểm lẻ), ấp 2, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất Trường TH Long Đức A (điểm lẻ), ấp Hòa Hưng, xã Long Đức có chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo nhưng chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: Hiện trạng năm 2023 là 1,00ha, kế hoạch năm 2024 là 0,09ha (*dự kiến giảm 0,91ha*), kết quả thực hiện giảm 0,13ha, đạt 14,29% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao thực hiện giảm do dự án Xây dựng mới trạm y tế xã Long Phú có chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú có chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao nhưng chưa được triển khai thực hiện.

+ *Đất công trình năng lượng*: Hiện trạng năm 2023 là 230,54ha, kế hoạch năm 2024 là 231,79ha (*dự kiến tăng 1,25ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện dự án Trạm biến áp 110kV Càng Cái Côn và đường dây đầu nối (*với diện tích dự án 1,25ha*); Tuy nhiên, hiện nay dự án này chưa thực hiện, dẫn đến chỉ tiêu đất công trình năng lượng thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Hiện trạng năm 2023 là 5,64ha, kế hoạch năm 2024 là 5,67ha (*dự kiến tăng 0,03ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú (*với diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải thuộc dự án là 0,03ha*); Tuy nhiên, hiện nay dự án này chưa được triển khai thực hiện, dẫn đến chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Hiện trạng năm 2023 là 18,51ha, kế hoạch năm 2024 là 19,09ha (*dự kiến tăng 0,58ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện dự án Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung (*với diện tích dự án 0,58ha*); Tuy nhiên, hiện nay dự án này chưa được Ủy ban

nhân dân tình giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, dẫn đến chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Hiện trạng năm 2023 là 35,83ha, kế hoạch năm 2024 là 35,79ha (*dự kiến giảm 0,04ha*), kết quả thực hiện giảm 0,04ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thực hiện giảm do dự án Đường huyện 26 có chuyển mục đích sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đã được triển khai thực hiện*).

+ **Đất chợ:** Hiện trạng năm 2023 là 1,35ha, kế hoạch năm 2024 là 1,64ha (*dự kiến tăng 0,29ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú (*với diện tích đất chợ dự kiến tăng 0,29ha*); Tuy nhiên, hiện nay dự án này chưa được triển khai thực hiện, dẫn đến chỉ tiêu đất chợ thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Hiện trạng năm 2023 là 0,59ha, kế hoạch năm 2024 là 0,54ha (*dự kiến giảm 0,05ha*), kết quả thực hiện giảm 0,01ha, đạt 20% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất sinh hoạt cộng đồng thực hiện giảm do dự án Nhà văn hóa ấp Sóc Dong có chuyển mục đích sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất sinh hoạt cộng đồng thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do 02 dự án: Nhà văn hóa ấp Thanh Đức và Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 2 có chuyển mục đích sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng nhưng chưa được triển khai thực hiện.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Hiện trạng năm 2023 là 0ha, kế hoạch năm 2024 là 2,32ha (*dự kiến tăng 2,32ha*), kết quả thực hiện không tăng, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Phú đăng ký thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại Long Phú (*với diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng thuộc dự án là 2,32ha*); Tuy nhiên, hiện nay dự án này chưa được triển khai thực hiện, dẫn đến chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** Hiện trạng năm 2023 là 357,86ha, kế hoạch năm 2024 là 374,43ha (*dự kiến tăng 16,57ha*), kết quả thực hiện tăng 1,49ha, đạt 8,99% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất ở tại nông thôn thực hiện tăng do hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất*). Nguyên nhân đất ở tại nông thôn thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do các dự án: Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi, Cụm Công nghiệp Long Đức 1, 2; Khu tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (*Khu tái định cư ấp Tân Lập*); Khu tái định cư dự án mở rộng đường tỉnh 933; Bán đấu giá khu đất Trường TH Long Đức A (điểm lẻ), ấp Hòa Hưng, xã Long Đức chưa được

triển khai thực hiện; Đồng thời, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn thực hiện chưa đạt.

- **Đất ở tại đô thị:** Hiện trạng năm 2023 là 103,15ha, kế hoạch năm 2024 là 117,51ha (*dự kiến tăng 14,36ha*), kết quả thực hiện tăng 0,47ha, đạt 3,27% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất ở tại đô thị thực hiện tăng do hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất*). Nguyên nhân đất ở tại đô thị thực hiện chưa đạt so với kế hoạch do các dự án: Khu nhà ở thương mại Long Phú; Bán đấu giá khu đất Công ty TNHH Hưng Phú, ấp 4, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất Trụ sở Công an (cũ), ấp 3, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất Trường TH TT Long Phú C, ấp 1, thị trấn Long Phú; Bán đấu giá khu đất Trường Mầm non TT Long Phú (điểm lẻ), ấp 2, thị trấn Long Phú chưa được triển khai thực hiện; Đồng thời, do diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp, đất thương mại – dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất ở tại đô thị thực hiện chưa đạt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Hiện trạng năm 2023 là 16,91ha, kế hoạch năm 2024 là 16,64ha (*dự kiến giảm 0,27ha*), kết quả thực hiện giảm 0,61ha (*diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện giảm do các dự án: Trụ sở công an thị trấn Long Phú, Trụ sở công an Thị trấn Đại Ngãi, Trụ sở Công an xã Song Phụng, Trụ sở Công an xã Long Đức và Trụ sở công an xã Long Phú có chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan đã được triển khai thực hiện*). Nguyên nhân đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm cao hơn so với kế hoạch được duyệt do:

+ Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án Trụ sở công an xã Long Phú so với kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt (*vị trí thực hiện mới sử dụng vào đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,15ha*);

+ Điều chỉnh tăng diện tích dự án Trụ sở Công an xã Long Đức so với kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt (*với diện tích tăng thêm là 0,035ha, sử dụng vào đất xây dựng trụ sở cơ quan*);

+ Đồng thời, do dự án Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh chưa được triển khai thực hiện (*với diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng thêm 0,16ha*).

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2023 là 1,74ha, kế hoạch năm 2024 là 1,74ha (*dự kiến giảm 0,11ha*), kết quả thực hiện giảm 0,11ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất phi nông nghiệp khác thực hiện giảm do dự án Nhà văn hóa ấp Tân Qui B có chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp khác đã được triển khai thực hiện*).

c). Đất chưa sử dụng

Trên địa bàn huyện Long Phú không còn diện tích đất chưa sử dụng.

2.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

Căn cứ vào tiến độ triển khai thực hiện các công trình, dự án và kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024, cụ thể như sau:

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong năm 2024 thực hiện được 2,90/173,48ha, đạt 1,67% so với kế hoạch;

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp trong năm 2024 thực hiện được 0,14/16,00ha, đạt 0,88% so với kế hoạch;

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở trong năm 2024 thực hiện được 0,00/2,18ha, không đạt so với kế hoạch.

Bảng 11: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	173,48	2,90	-170,58	1,67
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	97,37	1,41	-95,96	1,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>97,37</i>	<i>1,41</i>	<i>-95,96</i>	<i>1,45</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	8,93	0,24	-8,69	2,69
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	66,18	1,25	-64,93	1,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN				
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,00		-1,00	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP	16,00	0,14	-15,86	0,88
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	16,00	0,14	-15,86	0,88
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP				
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS				
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU				
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS				

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU				
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)				
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)				
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)				
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NKR ^(a)				
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,18		-2,18	

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở; OCT là đất ở.

2.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2024

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú đăng ký thực hiện 15 công trình, dự án có thu hồi đất, với tổng diện tích thu hồi 134,01ha (trong đó: đất nông nghiệp 131,21ha và đất phi nông nghiệp 2,80ha); Tuy nhiên, đến nay công tác thu hồi đất đối với các dự án này vẫn chưa hoàn thành.

Bảng 12: Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2024

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	131,21		-131,21	
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78,65		-78,65	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78,65		-78,65	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,21		-4,21	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48,35		-48,35	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,80		-2,80	
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,06		-0,06	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,01		-0,01	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,30		-2,30	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,43		-0,43	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024 là căn cứ pháp lý để thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai như: Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo đúng quy định của Luật Đất đai; Giảm thiểu tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất ngoài kế hoạch sử dụng đất, từ đó làm giảm tình trạng khiếu nại, khiếu kiện trong sử dụng đất, giúp ổn định tình hình an ninh, trật tự, chính trị ở địa phương.

Giúp quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa), góp phần quan trọng trong bảo vệ diện tích đất nông nghiệp nói chung và đất trồng lúa nói riêng, nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững và thích ứng với Biến đổi khí hậu.

Kế hoạch sử dụng đất là căn cứ pháp lý quan trọng để huyện Long Phú quản lý và khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, chủ động dành quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới,... tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

2.4. Phân tích, đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

2.4.1. Những mặt được trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, hướng dẫn, thẩm định của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất và Sở Tài nguyên và Môi trường, công tác lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú đã được thực hiện theo đúng quy định và triển khai thực hiện có hiệu quả. Sau khi được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã chỉ đạo các Phòng ban và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công bố công khai và tập trung triển khai thực hiện các công trình, dự án đã được phê duyệt; trong đó, thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm đã được Ủy ban nhân dân huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả khá tốt. Kết quả công tác kế hoạch sử dụng đất đã giúp cho Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, sử dụng hiệu quả hơn nguồn tài nguyên đất đai, làm cơ sở hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như phục vụ cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở mỗi địa phương, cho từng đối tượng sử dụng đất.

2.4.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Phú được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các cấp - ngành, các nhà đầu tư và nhu cầu thực tế của địa phương. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện thì nhiều chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được triển khai thực hiện chậm do phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách (nguồn vốn trung hạn từ nguồn ngân sách Trung ương và Tỉnh) phân bổ hằng năm.

Công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng, thu hồi đất cũng như quy trình, thủ tục đầu tư, kêu gọi - lựa chọn nhà đầu tư thường kéo dài, nhưng phải đưa vào kế hoạch để có cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục liên quan.

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn phụ thuộc vào các thủ tục điều kiện để ban hành các quyết định, chủ trương như: Quyết định công nhận chủ đầu tư, thẩm định - phê duyệt hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... Do đó, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính khả thi và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Công tác triển khai, phối hợp thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất giữa các cấp, ngành còn chưa đồng bộ; các cấp, ngành chưa thật sự quan tâm, lên kế hoạch và bố trí nguồn vốn thực hiện.

Công tác kêu gọi đầu tư thực hiện một số dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn huyện vẫn chưa thực hiện được; mặc dù có nhà đầu tư quan tâm, nhưng chỉ dừng lại ở bước khảo sát, đặt vấn đề.

Đến nay, trên địa bàn huyện Long Phú vẫn còn **08** công trình, dự án đăng ký từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019-2022 chưa thực hiện xong các thủ tục về đất đai đã **quá 03 năm** nhưng chưa được triển khai thực hiện. Trong đó:

- **04** công trình, dự án phải thực hiện thu hồi đất:

+ *Đối với dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng*: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 (với tổng mức đầu tư dự án là 30 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án thuộc giai đoạn 2023-2025). Hiện nay, dự án đã Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2024 tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2024.

+ *Đối với 02 dự án Mở rộng trường tiểu học Hậu Thạnh và Mở rộng trường tiểu học Tân Hưng C*: Hiện nay, 02 dự án này đã được đầu tư xây dựng hoàn thành, tuy nhiên còn vướng thủ tục pháp lý về thu hồi đất vẫn chưa thực hiện xong; Do đó, tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để hoàn tất thủ tục thu hồi đất theo quy định.

+ *Đối với dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933*: Hiện nay, đã hoàn tất thủ tục thu hồi đất, đang thi công xây dựng một phần diện tích dự án (đoạn từ thị trấn Long Phú đến cầu Tân Hưng, dài khoảng 5,5km); Đối với phần còn lại của dự án (đoạn từ cầu Tân Hưng đến cầu Staintard) chưa thực hiện thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Ngày 30 tháng 7 năm 2024, Ban Quản lý dự án 2 có Công văn số 882/BQLDA2-GPMB theo đó đề nghị tiếp tục đưa dự án này vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để làm cơ sở triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- **04** công trình, dự án không phải thực hiện thu hồi đất:

+ *Đối với dự án Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung*: đang thực hiện thủ tục về giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định; Do đó, đề xuất tiếp tục đăng ký thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

+ **03** công trình, dự án thực hiện trên các khu đất công do nhà nước quản lý: Khu tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (Khu tái định cư ấp Tân Lập); Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên (Sân Golf); Giao đất có thu tiền Khu vực Lò đường Quốc doanh (cũ), Ấp 2, thị trấn Long Phú.

Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn huyện Long Phú có **09** công trình, dự án đăng ký từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện xong các thủ tục về đất

đai, đến nay đã **quá 02 năm** theo quy định tại khoản 7 Điều 76, Luật Đất đai năm 2024. Trong đó:

- *Đối với dự án Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng:* dự án thực hiện theo hình thức vận động nhân dân hiến đất. Hiện nay, án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa tại Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024. Đồng thời, ngày 11 tháng 7 năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-HĐND về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, trong đó có dự án Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh (*dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 phân bổ 6,00 tỷ đồng*). Do đó, đề xuất tiếp tục đăng ký thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- *Đối với 08 công trình, dự án còn lại thực hiện trên các khu đất công do nhà nước quản lý:* Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Bung Thum; Nhà văn hóa ấp Phú Đức; Nhà văn hóa ấp Tân Hội; Nhà văn hóa ấp Ngã Tư; Giao đất để ổn định cho 10 hộ dân thuộc khu đất UBND TT Long Phú quản lý (đối diện UBND TT Long Phú); Giao đất để ổn định cho 02 hộ dân thuộc khu đất Lò mổ gia súc Ấp 2, thị trấn Long Phú; Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú; Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú.

Do đó, UBND huyện Long Phú kiến nghị UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép huyện Long Phú được tiếp tục đăng ký chuyển tiếp 18 công trình, dự án này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định.

2.4.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Tiến độ triển khai một số công trình trong năm kế hoạch còn chậm nguyên nhân chính là do:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tiến độ thực hiện các công trình, dự án của các ngành và các nhà đầu tư. Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện có nhiều công trình, dự án có diện tích lớn, tuy nhiên do chưa được triển khai thực hiện, dẫn đến các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện đạt thấp, cụ thể như: Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên (90ha), Cụm Công nghiệp Long Đức 1 (53,84ha), Cụm Công nghiệp Long Đức 2 (68,75ha), Khu nhà ở thương mại Long Phú (17,06ha), Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi - Cụm Công nghiệp Long Đức 1, 2 (9,60ha),...

+ Nhu cầu xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng của huyện tương đối lớn, tuy nhiên nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, phụ thuộc lớn vào sự hỗ trợ

của ngân sách Nhà nước cấp trên, dẫn đến nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch chưa thể triển khai thực hiện do chưa chủ động được nguồn vốn (*cụ thể: việc xây dựng nhà văn hóa ấp tại các xã, thị trấn*).

+ Công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư đã được huyện tích cực quan tâm, phối hợp với Sở, ngành tỉnh đẩy mạnh công tác kêu gọi đầu tư, đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến tìm hiểu (*khảo sát thực địa, cung cấp thông tin dự án*) các dự án trên địa bàn huyện; Tuy nhiên, hiện nay việc kêu gọi đầu tư của một số dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, đến nay vẫn chưa có nhà đầu tư, như: Cụm Công nghiệp Long Đức 1, Cụm Công nghiệp Long Đức 2, Khu nhà ở thương mại Long Phú và Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên.

+ Các thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng thường phức tạp, mất nhiều thời gian như: Ban hành Thông báo - Kế hoạch thu hồi đất, khảo sát - đo đạc - kiểm đếm, duyệt giá bồi thường, ban hành Quyết định thu hồi đất, vận động bàn giao mặt bằng, cưỡng chế,... Do đó, đối với các dự án có diện tích thu hồi đất lớn, ảnh hưởng đến nhiều hộ dân rất khó thực hiện trong 1 năm kế hoạch.

+ Hệ thống bản đồ, hồ sơ địa chính chưa đồng bộ, nhiều địa phương chưa có bản đồ địa chính đo đạc chính quy, không được cập nhật, chỉnh lý biến động thường xuyên nên chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý theo hướng hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai. Việc không đồng nhất các chỉ tiêu thống kê các loại đất dẫn đến việc đánh giá, xác định các chỉ tiêu thực hiện trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đầy đủ, chính xác.

+ Trong năm 2024, tình hình kinh tế cả nước nói chung và thị trường bất động sản nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn dẫn đến nhu cầu đầu tư, mua bán - chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng; công tác kêu gọi đầu tư gặp nhiều khó khăn, dẫn đến nhiều chỉ tiêu sử dụng đạt thấp hoặc chưa đạt.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã chỉ đạo các ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp thực hiện việc công bố công khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng chủ quan trong quá trình triển khai thực hiện, một số ngành, địa phương có đăng ký dự án nhưng chưa thật sự quan tâm, lên kế hoạch, bố trí nguồn vốn thực hiện dẫn đến một số dự án chậm triển khai.

+ Một số ngành, địa phương chưa có sự chủ động, quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện các giải pháp chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện

trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã chỉ đạo thực hiện ngay từ đầu năm. Công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi và đôn đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn nhiều hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất còn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Một số địa phương, ngành chức năng chưa quan tâm trong công tác chỉ đạo, phối hợp lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hằng năm.

+ Việc rà soát, tổng hợp các công trình, dự án và chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế của địa phương, tổng hợp nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tuy nhiên, do chưa lường trước được những biến động về kinh tế - xã hội của cả nước nói chung cũng như tỉnh, huyện nói riêng, do đó kết quả thực hiện các công trình, dự án đạt được chưa cao. Bên cạnh đó, đối với một số công trình, dự án lớn đăng ký thực hiện trong năm 2024 như: Cụm Công nghiệp Long Đức 1, Cụm Công nghiệp Long Đức 2, Khu nhà ở thương mại Long Phú và Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên,... để triển khai thực hiện được thì cần phải có nguồn vốn lớn, nhà đầu tư tiềm năng, tuy nhiên việc kêu gọi đầu tư của các dự án đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ Đối với dự án Trạm biến áp 110kV Cánh Cánh Côn và đường dây đầu nối dù đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng tại Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã đăng ký thực hiện dự án từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nhưng đến nay chủ đầu tư dự án vẫn chưa xác định và cung cấp các thông tin về hướng tuyến, vị trí, ranh giới thu hồi đất của dự án.

+ Trong quá trình khảo sát, đo đạc để triển khai thực hiện thì một số dự án có sự điều chỉnh, thay đổi về vị trí, ranh giới, diện tích so với kế hoạch được duyệt như: Trụ sở công an xã Châu Khánh, Trụ sở công an xã Long Phú, Trụ sở công an xã Phú Hữu, Nhà văn hóa ấp Ngọn, Nhà văn hóa ấp Thanh Đức.

+ Đối với các dự án xây dựng trên đất công do nhà nước quản lý: Hiện nay phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất công trên địa bàn huyện Long Phú theo Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, dẫn đến chưa đủ cơ sở thực hiện việc sắp xếp, điều chuyển và sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng của các ngành, địa phương.

+ Việc xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân chỉ mang tính dự báo tương đối, nhiều địa phương đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất để phòng khi có nhu cầu phát sinh (cụ thể như: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại - dịch vụ), trong khi nhu cầu thực tế của người dân còn hạn chế.

2.4.4. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục trong công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú như sau:

- Trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất cần có sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ giữa các Cơ quan, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh sự chồng chéo, điều chỉnh, thay đổi về vị trí, ranh giới, diện tích của dự án trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đối với các công trình, dự án đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 hoặc các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn huyện (như: quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới,...) hoặc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc có chủ trương của cấp có thẩm quyền; Các công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đề xuất thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phải đảm bảo nguồn vốn thực hiện nhằm tăng tính khả thi của dự án; các công trình, dự án có thu hồi đất hoặc có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Đối với các công trình, dự án có tiến độ triển khai chậm cần tập trung nguồn lực, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, không để dự án kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Rà soát, đánh giá khả năng triển khai thực hiện đối với các công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm, trường hợp cần thiết cần xem xét việc điều chỉnh, hủy bỏ dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024.

- Cần thực hiện đầy đủ việc lấy ý kiến đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2024 và Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung kế hoạch sử dụng đất trước khi trình thẩm định, phê duyệt, nhằm đảm bảo tính đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức, thực hiện đầy đủ các nội dung công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2024; Thông báo cho các chủ đầu tư, các địa phương, các cấp - ngành, tổ chức và cá nhân có dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất được biết, để có kế hoạch triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, xử lý nghiêm các trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất (*đặc biệt là chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp*).

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất****3.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực:**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện Long Phú có tổng số **49** công trình, dự án đăng ký thực hiện. Trong đó:

- **33** công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng các năm 2019-2025 (*chi tiết tại Bảng 6: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025*). Cụ thể:

- + 01 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019;
- + 01 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2020;
- + 02 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021;
- + 04 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022;
- + 09 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- + 16 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- **16** công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Cụ thể:

Bảng 13: Các công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi Chú
I	Đất an ninh					
1	Trụ sở công an xã Tân Thạnh	0,39	0,39 (TSC)	0,39 (CAN)	Xã Tân Thạnh	
II	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo					
2	Trường Trung học phổ thông Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,50	1,17 (LUC) 0,30 (CLN) 0,03 (ONT)	1,50 (DGD)	Xã Song Phụng	
III	Đất ở tại nông thôn và đô thị					
3	Khu chuyển công năng Chợ Đập sang đất ở tại đô thị	0,45	0,37 (DCH) 0,05 (DGT) 0,03 (CLN)	0,45 (ODT)	TT Long Phú	
IV	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
4	Ban chỉ huy quân sự xã Long Phú	0,17	0,17 (DGD)	0,17 (TSC)	Xã Long Phú	
V	Đất xây dựng cơ sở văn hóa					
5	Nhà văn hóa ấp Trường Thành B	0,03	0,03 (DVH)	0,03 (PNK)	Xã Trường Khánh	
VI	Đất công trình cấp nước, thoát nước					
6	Nhà máy nước mặt (<i>bao gồm phần diện tích trạm bơm 0,10ha</i>)	1,10	1,00 (LUC) 0,10 (CLN)	1,10 (DCT)	Xã Châu Khánh	
7	Trạm cấp nước Phú Hữu, xã Phú Hữu	0,02	0,02 (TSC)	0,02 (DCT)	Xã Phú Hữu	
8	Trạm cấp nước Song Phụng, xã Song Phụng	0,03	0,03 (TSC)	0,03 (DCT)	Xã Song Phụng	
9	Trạm cấp nước Trường Khánh 1, xã Trường Khánh	0,02	0,004 (DCH) 0,018 (PNK)	0,02 (DCT)	Xã Trường Khánh	
10	Trạm cấp nước Trường Khánh 2, xã Trường Khánh	0,11	0,11 (DSK)	0,11 (DCT)	Xã Trường Khánh	

STT	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích, loại đất theo hiện trạng (ha)	Diện tích, loại đất sau khi chuyển mục đích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi Chú
11	Trạm cấp nước Tân Thạnh, xã Tân Thạnh	0,03	0,03 (TSC)	0,03 (DCT)	Xã Tân Thạnh	
12	Trạm cấp nước Châu Khánh, xã Châu Khánh	0,11	0,11 (CLN)	0,11 (DCT)	Xã Châu Khánh	
13	Hệ cấp nước Sóc Dong, xã Tân Hưng	0,007	0,007 (DSK)	0,007 (DCT)	Xã Tân Hưng	
14	Hệ cấp nước Tân Lịch, xã Tân Hưng	0,005	0,005 (CLN)	0,005 (DCT)	Xã Tân Hưng	
15	Trạm cấp nước Long Phú, xã Long Phú	0,085	0,085 (DSK)	0,085 (DCT)	Xã Long Phú	
16	Hệ cấp nước áp 5 Long Phú, TT Long Phú	0,004	0,004 (DCH)	0,004 (DCT)	TT Long Phú	

Ngoài ra, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Phú đăng ký thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với **19** cơ sở nhà, đất (theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ); thực hiện đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với **4,34 ha** đất nông nghiệp công ích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại xã Long Phú, xã Trường Khánh và thị trấn Long Phú (thực hiện theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Quản lý, sử dụng hiệu quả đất và cơ sở nhà, đất công, đất nông, lâm trường, đất bãi bồi ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng); **06** dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thủ tục điều chuyển đất công, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - *Chi tiết được thể hiện tại Phụ lục số 2.*

Trong quá trình rà soát, khảo sát, đo đạc xác định vị trí, diện tích thực hiện và phê duyệt chủ trương đầu tư của các công trình, dự án; một số công trình, dự án có sự điều chỉnh về tên, diện tích, địa điểm thực hiện dự án so với phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023. Cụ thể:

Bảng 14: Danh mục công trình, dự án có thay đổi thông tin so với phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú

STT	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025			Nội dung thay đổi so với QHSDĐ đến năm 2030	Lý do điều chỉnh
	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)		
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng	3,23	Xã Tân Thạnh Xã Tân Hưng	Diện tích dự án theo QHSDĐ đến năm 2030 5,50 ha, thuộc địa bàn: xã Tân Thạnh, xã Tân Hưng và TT Long Phú.	Hiện nay, đã hoàn tất thủ tục thu hồi đất, đang thi công xây dựng một phần diện tích dự án (đoạn từ TT Long Phú đến cầu Tân Hưng, dài khoảng 5,5km), với diện tích khoảng 2,27ha ; Đối với phần còn lại của dự án (đoạn từ cầu Tân Hưng đến cầu Staintard) chưa thực hiện thu hồi đất, BT, GPMB, tiếp tục đăng ký thực hiện trong KHSDĐ năm 2025, với diện tích 3,23ha .

STT	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025			Nội dung thay đổi so với QHSDĐ đến năm 2030	Lý do điều chỉnh
	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)		
2	Trụ sở công an xã Châu Khánh	0,17	Xã Châu Khánh	Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án, diện tích dự án giảm so với QHSDĐ đến năm 2030 (0,20 ha).	Vị trí, diện tích thực hiện dự án có sự điều chỉnh trong quá trình khảo sát, đo đạc, thống nhất vị trí thực hiện dự án; việc điều chỉnh nhằm đảm bảo khả năng triển khai thực hiện và yêu cầu đặc thù riêng của ngành công an.
3	Trụ sở công an xã Tân Hưng	0,145	Xã Tân Hưng	Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án, diện tích dự án tăng so với QHSDĐ đến năm 2030 (0,11 ha).	
4	Trụ sở công an xã Tân Thạnh	0,39	Xã Tân Thạnh	Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án (vị trí thực hiện dự án không thay đổi), diện tích dự án tăng so với QHSDĐ đến năm 2030 (0,10 ha).	
5	Đường đầu nối cống Âu Rạch Mộp, xã Song Phụng, huyện Long Phú	0,37	Xã Song Phụng	Dự án phát sinh ngoài danh mục QHSDĐ đến năm 2030.	
6	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,803	TT Long Phú	- Diện tích dự án theo QHSDĐ đến năm 2030 3,96ha, chia thành 02 giai đoạn thực hiện (trong đó GD.1 của dự án có diện tích 2,00ha). - Điều chỉnh tên dự án so với QHSDĐ đến năm 2030 (Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú).	Tên dự án, diện tích thực hiện dự án được điều chỉnh cho phù hợp với NQ số 05/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án.

STT	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025			Nội dung thay đổi so với QHSDĐ đến năm 2030	Lý do điều chỉnh
	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)		
7	Trường Trung học phổ thông Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,50	Xã Song Phụng	Điều chỉnh tên dự án so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>Trường THPT Đại Ngãi</i>).	Tên dự án được điều chỉnh cho phù hợp với NQ số 61/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án.
8	Ban chỉ huy quân sự xã Long Phú	0,17	Xã Long Phú	Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án (<i>vị trí thực hiện dự án không thay đổi</i>), diện tích dự án tăng so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>0,12 ha</i>).	Diện tích thực hiện dự án phát sinh tăng trong quá trình khảo sát, đo đạc.
9	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	0,30	Xã Tân Thạnh	- Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án, diện tích dự án giảm so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>0,56 ha</i>). - Điều chỉnh tên dự án so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh</i>).	- Vị trí, diện tích thực hiện dự án có sự điều chỉnh trong quá trình khảo sát, đo đạc, thống nhất vị trí của các ban, ngành; việc điều chỉnh nhằm đảm bảo khả năng triển khai thực hiện của dự án. - Tên dự án được điều chỉnh cho phù hợp với QĐ số 331/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND huyện Long Phú về chủ trương đầu tư dự án.
10	Nhà máy nước mặt (<i>bao gồm phần diện tích trạm bơm 0,10ha</i>)	1,10	Xã Châu Khánh	Dự án phát sinh ngoài danh mục QHSDĐ đến năm 2030.	- Dự án phù hợp với QĐ số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Dự án phù hợp với Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Châu Khánh đã được UBND huyện Long Phú phê duyệt tại QĐ số 256/QĐ-UBND ngày 02/12/2024.
11	Trạm cấp nước Phú Hữu, xã Phú Hữu	0,02	Xã Phú Hữu	Dự án phát sinh ngoài danh mục QHSDĐ đến năm 2030.	Hiện nay, các trạm - hệ cấp nước này đã được ĐTXD trên các phần đất công do huyện quản lý và đã vận hành đưa vào khai thác sử dụng ổn định. Tuy nhiên, phải đăng ký vào KHSĐĐ năm 2025 để có cơ sở thực hiện thủ tục thuê đất theo Công văn số 1178/STNMT-CCQLĐĐ ngày 26/5/2022 của Sở TN&MT về việc đề nghị lập thủ tục thuê đất đối với tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính; Ngày 29/7/2024, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (thuộc Sở NN&PTNT) đã có Công văn số 637/TTNS-TCHC về việc lập thủ tục chuyển sang thuê đất theo Công văn số 1178/STNMT-CCQLĐĐ ngày 26/5/2022 của TN&MT.
12	Trạm cấp nước Song Phụng, xã Song Phụng	0,03	Xã Song Phụng		
13	Trạm cấp nước Trường Khánh 1, xã Trường Khánh	0,02	Xã Trường Khánh		
14	Trạm cấp nước Trường Khánh 2, xã Trường Khánh	0,11	Xã Trường Khánh		
15	Trạm cấp nước Tân Thạnh, xã Tân Thạnh	0,03	Xã Tân Thạnh		
16	Trạm cấp nước Châu Khánh, xã Châu Khánh	0,11	Xã Châu Khánh		
17	Hệ cấp nước Sóc Dong, xã Tân Hưng	0,007	Xã Tân Hưng		
18	Hệ cấp nước Tân Lịch, xã Tân Hưng	0,005	Xã Tân Hưng		
19	Trạm cấp nước Long Phú, xã Long Phú	0,085	Xã Long Phú		
20	Hệ cấp nước ấp 5 Long Phú, TT Long Phú	0,004	TT Long Phú		

STT	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025			Nội dung thay đổi so với QHSDĐ đến năm 2030	Lý do điều chỉnh
	Tên công trình, dự án	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)		
21	Nhà văn hóa ấp Thạnh Đức	0,03	Xã Long Đức	Dự án phát sinh ngoài danh mục QHSDĐ đến năm 2030.	Qua rà soát, trong danh mục QHSDĐ đến năm 2030 của huyện Long Phú có bố trí “ <i>Quy hoạch phát triển cơ sở văn hóa</i> ” tại các xã, thị trấn, với diện tích 1,11 ha ; Do đó, việc bổ sung 04 dự án này vào KHSDD năm 2025 vẫn không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất so với phương án QHSDĐ đến năm 2030 của huyện đã được phê duyệt. Đồng thời, có 03/04 dự án được thực hiện trên đất công do nhà nước quản lý, 01 dự án (Nhà văn hóa ấp Cái Đường) được thực hiện theo hình thức vận động nhân dân hiến đất.
22	Nhà văn hóa ấp Cái Đường	0,03	Xã Tân Thạnh		
23	Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 2	0,01	TT Đại Ngãi		
24	Nhà văn hóa liên ấp Ngãi Hòa - An Đức	0,08	TT Đại Ngãi		
25	Nhà văn hóa ấp Ngon	0,05	Xã Hậu Thạnh	Điều chỉnh vị trí thực hiện dự án (<i>diện tích thực hiện dự án không thay đổi</i>).	Hiện nay, việc vận động người dân hiến đất để thực hiện dự án tại vị trí được xác định theo phương án QHSDĐ đến năm 2030 của huyện không thực hiện được; Do đó, phải điều chỉnh dự án sang vị trí khác để đảm bảo khả năng triển khai thực hiện.
26	Nhà văn hóa ấp Trường Thành B	0,03	Xã Trường Khánh	Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án (<i>vị trí thực hiện dự án không thay đổi</i>), diện tích dự án giảm so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>0,09 ha</i>).	Diện tích thực hiện dự án giảm theo đề xuất của UBND xã Trường Khánh.
27	Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyền (Sân Golf)	90,00	Xã Song Phụng	Điều chỉnh tên dự án so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>Sân Golf</i>).	Tên dự án được điều chỉnh cho phù hợp với QĐ số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
28	Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,04	TT Long Phú	Điều chỉnh tên dự án so với QHSDĐ đến năm 2030 (<i>Bán đấu giá khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú</i>).	Tên dự án được điều chỉnh cho phù hợp với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất công trên địa bàn huyện Long Phú theo Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021.
29	Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,02	TT Long Phú		

- **Đất ở tại nông thôn:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 01 công trình, dự án và 11 cơ sở nhà đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết tại Bảng 18: Danh mục công trình, dự án đất ở tại nông thôn và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025), với tổng diện tích 0,74ha (*Toàn bộ diện tích này phải chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn*).

- **Đất ở tại đô thị:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 06 công trình, dự án và 08 cơ sở nhà đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết tại Bảng 19: Danh mục công trình, dự án đất ở

tại đô thị và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm năm 2025), với tổng diện tích 1,14ha (*Trong đó, diện tích cần chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị là 0,85ha*).

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 02 công trình, dự án (Chi tiết tại Bảng 20: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025), với tổng diện tích 0,47ha (*Trong đó, diện tích cần chuyển mục đích sang đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,33ha*).

- **Đất an ninh:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 03 công trình, dự án (Chi tiết tại Bảng 21: Danh mục công trình, dự án đất an ninh năm 2025), với tổng diện tích là 0,71ha (*Toàn bộ diện tích này phải chuyển mục đích sang đất an ninh*).

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 18 công trình, dự án (Chi tiết tại Bảng 22: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2025), với tổng diện tích 3,17ha (*Trong đó, diện tích cần chuyển mục đích sang đất xây dựng cơ sở văn hóa là 2,87ha*).

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 03 công trình, dự án (Chi tiết tại Bảng 23: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2025), với tổng diện tích 2,45ha (*Trong đó, diện tích cần chuyển mục đích sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 1,73ha*).

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 01 công trình, dự án là: Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên (*Sân Golf*), với diện tích 90,00ha (*Toàn bộ diện tích này là đất thương mại, dịch vụ hiện trạng*).

- **Đất công trình giao thông:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 03 công trình, dự án đất công trình giao thông thuộc 03 dự án khác (Chi tiết tại Bảng 25: Danh mục công trình, dự án đất công trình giao thông năm 2025) với tổng diện tích 4,00ha (*Trong đó, diện tích cần chuyển mục đích sang đất công trình giao thông là 4,00ha*).

- **Đất công trình cấp nước, thoát nước:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 11 công trình, dự án (Chi tiết tại Bảng 26: Danh mục công trình, dự án đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2025), với diện tích 1,52ha (*Toàn bộ diện tích này phải chuyển mục đích sang đất công trình cấp nước, thoát nước*).

- **Đất tôn giáo:** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Long Phú có 01 công trình, dự án là: Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung, với diện tích 0,58 ha (*Toàn bộ diện tích này phải chuyển mục đích sang đất tôn giáo*).

3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai năm 2024: “3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện bao gồm:

d) Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 của Luật này.”

Theo quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai năm 2024: “Căn cứ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”.

Do đó, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở sẽ không phải đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú; Tuy nhiên, việc giải quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với các chỉ tiêu dự kiến nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 và phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023.

Qua rà soát, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện Long Phú có phát sinh nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của người dân nằm ngoài khu vực khoanh bao cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện. Qua kiểm tra, các khu vực này đảm bảo điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép huyện Long Phú được điều chỉnh, bổ sung các khu vực này vào bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để có cơ sở giải quyết nhu cầu của người dân.

Căn cứ vào số liệu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong năm 2024; tình hình thực tế, cũng như nhu cầu sử dụng đất của người dân tại địa phương. Dự kiến nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 trên địa bàn huyện Long Phú như sau:

Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
			Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
1	CMD SDD sang đất thương mại - dịch vụ nhỏ lẻ trên địa bàn các xã, thị trấn	2,50 (TMD)	2,50	0,85 (LUC) 0,40 (HNK) 0,60 (CLN) 0,50 (NTS) 0,15 (SKC)	TT Long Phú

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
			Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
		1,00 (TMD)	1,00	0,50 (LUC) 0,20 (HNK) 0,30 (CLN)	TT Đại Ngãi
		0,05 (TMD)	0,05	0,02 (LUC) 0,01 (HNK) 0,02 (CLN)	Xã Tân Hưng
		0,50 (TMD)	0,50	0,25 (LUC) 0,25 (CLN)	Xã Tân Thạnh
		1,00 (TMD)	1,00	LUC	Xã Song Phụng
		0,30 (TMD)	0,30	0,15 (LUC) 0,05 (HNK) 0,10 (CLN)	Xã Long Đức
		0,30 (TMD)	0,30	CLN	Xã Hậu Thạnh
		0,20 (TMD)	0,20	0,10 (LUC) 0,10 (CLN)	Xã Phú Hữu
		0,50 (TMD)	0,50	0,20 (LUC) 0,30 (CLN)	Xã Trường Khánh
		0,80 (TMD)	0,80	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,20 (CLN)	Xã Long Phú
		0,30 (TMD)	0,30	0,15 (LUC) 0,15 (CLN)	Xã Châu Khánh
2	CMĐ SĐĐ sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhỏ lẻ trên địa bàn các xã, thị trấn	2,00 (SKC)	2,00	0,70 (LUC) 0,50 (HNK) 0,80 (CLN)	TT Long Phú
		0,65 (SKC)	0,65	0,30 (LUC) 0,20 (HNK) 0,15 (CLN)	TT Đại Ngãi
		0,50 (SKC)	0,50	0,25 (LUC) 0,25 (CLN)	Xã Long Phú
		0,10 (SKC)	0,10	0,05 (LUC) 0,03 (HNK) 0,02 (CLN)	Xã Tân Hưng
		1,00 (SKC)	1,00	0,80 (LUC) 0,20 (CLN)	Xã Tân Thạnh
		0,20 (SKC)	0,20	0,10 (LUC) 0,10 (CLN)	Xã Song Phụng
		0,50 (SKC)	0,50	0,20 (LUC) 0,10 (HNK) 0,20 (CLN)	Xã Long Đức
		0,20 (SKC)	0,20	0,10 (LUC) 0,10 (CLN)	Xã Hậu Thạnh
		0,20 (SKC)	0,20	0,10 (LUC) 0,10 (CLN)	Xã Phú Hữu
		1,00 (SKC)	1,00	0,50 (LUC) 0,50 (CLN)	Xã Châu Khánh
		0,40 (SKC)	0,40	0,20 (LUC) 0,20 (CLN)	Xã Trường Khánh

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
			Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
3	CMĐ SDD sang đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn nhỏ lẻ trên địa bàn các xã, thị trấn	2,50 (ODT)	2,50	1,00 (LUC) 0,40 (HNK) 0,50 (CLN) 0,40 (NTS) 0,16 (SKC) 0,04 (TMD)	TT Long Phú
		1,05 (ODT)	1,05	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN) 0,05 (SKC)	TT Đại Ngãi
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Long Phú
		0,60 (ONT)	0,60	0,25 (LUC) 0,10 (HNK) 0,25 (CLN)	Xã Tân Hưng
		0,79 (ONT)	0,79	0,30 (LUC) 0,19 (HNK) 0,30 (CLN)	Xã Tân Thạnh
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Song Phụng
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Long Đức
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Hậu Thạnh
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Phú Hữu
		1,00 (ONT)	1,00	0,50 (LUC) 0,25 (HNK) 0,25 (CLN)	Xã Châu Khánh
		1,00 (ONT)	1,00	0,40 (LUC) 0,20 (HNK) 0,40 (CLN)	Xã Trường Khánh
4	CMĐ SDD sang đất trồng cây hàng năm khác	2,00 (HNK)	2,00	LUC	TT Long Phú
5	CMĐ SDD sang đất trồng cây lâu năm	2,00 (CLN)	2,00	LUC	TT Long Phú
		1,50 (CLN)	1,50	LUC	TT Đại Ngãi
		1,00 (CLN)	1,00	LUC	Xã Long Phú
		1,50 (CLN)	1,50	LUC	Xã Long Đức
		1,00 (CLN)	1,00	LUC	Xã Phú Hữu
		2,00 (CLN)	2,00	LUC	Xã Hậu Thạnh
		1,00 (CLN)	1,00	LUC	Xã Song Phụng
		3,00 (CLN)	3,00	LUC	Xã Trường Khánh
		5,26 (CLN)	5,26	LUC	Xã Châu Khánh
		0,85 (CLN)	0,85	LUC	Xã Tân Thạnh

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
			Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
6	CMĐ SĐĐ sang đất nông nghiệp khác (làm trang trại chăn nuôi, làm nhà lưới,...)	6,39 (NKH)	6,39	2,99 (LUC) 3,20 (HNK) 0,20 (CLN)	TT Long Phú
		2,13 (NKH)	2,13	LUC	Xã Trường Khánh
		1,18 (NKH)	1,18	LUC	Xã Tân Hưng

Ngoài ra, đối với các khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú được thể hiện theo nguyên tắc:

- Khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị được xác định từ mép hành lang lộ giới thâm hậu 40m; Tuy nhiên, đối với các trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng trọn thửa đất, mà phần diện tích dôi dư nằm ngoài khu vực cho phép chuyển mục đích thể hiện trên bản đồ, có diện tích không đáng kể, tùy từng trường hợp Ủy ban nhân dân huyện Long Phú sẽ xem xét cho phép chuyển mục đích trọn thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng nhằm tránh trường hợp mục đích sử dụng manh mún, gây khó khăn trong công tác quản lý.

- Đối với khu vực dự kiến cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở vẫn cho phép người dân được chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp kết hợp với đất ở trong phạm vi tính từ mép hành lang lộ giới thâm hậu 40m; Đối với khu vực ngoài phạm vi 40m nêu trên thì người dân chỉ được phép chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Bảng 16: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Long Phú

Đơn vị tính: ha.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích KHSDĐ năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
						TT Long Phú	Xã Long Phú	Xã Tân Hưng	Xã Tân Thạnh	TT Đại Ngãi	Xã Song Phụng	Xã Long Đức	Xã Hậu Thạnh	Xã Phú Hữu	Xã Châu Khánh	Xã Trường Khánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+...(17)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			26.475,66	26.475,66		2.668,62	5.008,78	3.321,52	2.205,22	797,69	2.117,82	2.968,97	1.392,46	1.383,32	1.553,75	3.057,50
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.528,28	21.493,34	-34,94	1.924,87	4.201,77	3.002,89	1.953,30	613,07	1.328,28	1.823,37	1.269,64	1.190,66	1.366,93	2.818,55
1.1	Đất trồng lúa	LUA	15.888,47	15.844,86	-43,61	1.367,14	3.532,91	2.590,61	1.428,04	292,97	374,81	1.237,45	950,68	807,98	979,84	2.282,44
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	15.888,47	15.844,86	-43,61	1.367,14	3.532,91	2.590,61	1.428,04	292,97	374,81	1.237,45	950,68	807,98	979,84	2.282,44
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK														
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	525,17	518,40	-6,77	148,45	131,89	12,60	57,11	7,89	25,13	30,75	0,28	7,46	50,51	46,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.810,01	4.816,65	6,64	339,43	422,11	352,42	467,56	303,27	881,58	541,39	318,13	369,86	333,49	487,42
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD														
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,09	7,09							7,09					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX														
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	242,50	241,60	-0,90	61,65	107,95		0,60	8,94	39,68	13,77	0,56	5,37	3,10	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT														
1.9	Đất làm muối	LMU														
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	55,02	64,72	9,70	8,19	6,91	47,26								2,36
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.947,38	4.982,32	34,94	743,75	807,01	318,63	251,92	184,62	789,54	1.145,60	122,82	192,66	186,82	238,95
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	359,93	368,77	8,84		74,87	42,39	40,99		23,77	62,82	23,79	29,62	26,68	43,84
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	103,88	107,97	4,09	68,98				38,99						
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,51	16,16	-0,34	6,71	0,29	0,22	0,05	0,10	1,06	5,34	0,51	0,36	1,09	0,44
2.4	Đất quốc phòng	CQP	4,88	4,88		4,88										
2.5	Đất an ninh	CAN	6,56	7,20	0,65	5,39	0,15	0,15	0,39	0,10	0,10	0,34	0,19	0,13	0,17	0,10
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	44,82	47,08	2,26	12,02	4,51	5,79	3,72	3,86	2,94	2,88	2,03	2,60	2,11	4,63
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,49	4,37	2,87	2,47	0,44	0,19	0,38	0,17		0,16	0,10	0,06		0,40

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích KHSDD năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
						TT Long Phú	Xã Long Phú	Xã Tân Hưng	Xã Tân Thạnh	TT Đại Ngãi	Xã Song Phụng	Xã Long Đức	Xã Hậu Thạnh	Xã Phú Hữu	Xã Châu Khánh	Xã Trường Khánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+...(17)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH														
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,66	5,56	-0,10	2,85	0,24	0,40	0,19	0,43	0,04	0,10	0,23	0,52	0,40	0,16
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,21	35,90	-0,31	5,60	3,82	5,19	3,13	3,25	2,91	2,52	1,70	2,01	1,70	4,07
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,87	0,87		0,87										
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH														
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT														
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT														
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG														
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,58	0,38	-0,20	0,23			0,02	0,01		0,09			0,02	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	93,76	107,48	13,72	8,85	2,74	0,76	3,28	2,50	82,80	2,07	0,50	0,51	2,44	1,04
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK														
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT														
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	86,97	94,32	7,35	5,68	1,76	0,26	1,61	1,05	81,25	1,05	0,30	0,22	0,49	0,63
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,80	13,17	6,37	3,17	0,97	0,50	1,67	1,44	1,55	1,02	0,20	0,29	1,95	0,41
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.638,68	1.643,88	5,21	168,53	302,04	180,34	129,10	52,97	69,40	393,23	64,95	69,64	71,34	142,34
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	462,92	467,01	4,09	95,37	59,63	38,30	49,87	24,52	28,94	80,36	12,46	25,61	20,77	31,19
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	937,19	937,18	-0,01	70,09	242,17	141,64	78,43	26,23	40,20	84,10	52,07	43,85	49,15	109,26
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		1,52	1,52	0,004	0,08	0,01	0,03		0,03			0,02	1,21	0,13
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC														
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD														
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,64	5,64		1,54			0,26	1,09		2,00				0,75
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	230,54	230,54		0,52	0,07	0,25	0,42	0,95	0,20	226,67	0,40	0,15	0,17	0,73

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích KHSDD năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
						TT Long Phú	Xã Long Phú	Xã Tân Hưng	Xã Tân Thạnh	TT Đại Ngãi	Xã Song Phụng	Xã Long Đức	Xã Hậu Thạnh	Xã Phú Hữu	Xã Châu Khánh	Xã Trường Khánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+...(17)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,46		0,20	0,02	0,03	0,07	0,02		0,01	0,02	0,01	0,02	0,05
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,35	0,97	-0,38	0,55			0,03	0,15						0,23
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,58	0,57	-0,01	0,25	0,06	0,12		0,01	0,02	0,09		0,01	0,02	
2.9	Đất tôn giáo	TON	18,51	19,09	0,58	3,92	3,31	2,42	3,12	2,31		0,75			0,33	2,93
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	8,89	8,89		0,71	0,01	0,17	2,18	0,08	1,85	0,66	0,92	1,19	0,38	0,74
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	35,79	35,79		7,64	4,65	1,95	0,68	4,76	1,26	3,26	1,01	1,65	4,02	4,91
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.613,55	2.613,55		456,01	414,44	84,45	68,41	78,96	606,36	674,26	28,84	86,12	78,25	37,45
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC														
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.613,55	2.613,55		456,01	414,44	84,45	68,41	78,96	606,36	674,26	28,84	86,12	78,25	37,45
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,63	1,57	-0,06	0,10		0,003					0,08	0,84		0,55
3	Đất chưa sử dụng	CSD														
	<i>Trong đó:</i>															
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS														
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS														
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS														
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS														

Ghi chú: - Cột (4) “Diện tích hiện trạng năm 2024”: được xây dựng trên cơ sở số liệu **thống kê đất đai năm 2023**, đồng thời có chu chuyển các công trình, dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (tại Bảng 5: Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024).

-Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

*** Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:**

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2025 của các ngành, lĩnh vực, dự báo nhu cầu sử dụng đất cho từng nhóm đất như sau:

A. Nhóm đất nông nghiệp:

Đến năm 2025 diện tích nhóm đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Long Phú là 21.493,34ha, giảm 34,94ha so với năm 2024, do chuyển sang các loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp. Cụ thể:

(1). Đất trồng lúa:

- Hiện trạng đất trồng lúa năm 2024 của huyện Long Phú là 15.888,47ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 43,61ha; do chuyển sang đất trồng cây hằng năm khác 2,00ha, đất trồng cây lâu năm 19,11ha, đất nông nghiệp khác 6,30ha, đất ở tại nông thôn 3,45ha, đất ở tại đô thị 1,40ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,16ha, đất an ninh 0,28ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,30ha, đất thương mại, dịch vụ 3,62ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3,30ha, đất công trình giao thông 1,69ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 1,00ha;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 43,61ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất trồng lúa của huyện Long Phú là 15.844,86ha.

Bảng 17: Danh mục cơ sở nhà đất thực hiện đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trồng lúa năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất (đối với quỹ đất nông nghiệp công ích do UBND cấp xã quản lý)	0,51 (LUC)	0,51			Xã Long Phú
		1,04 (LUC)	1,04			Xã Trường Khánh
		2,79 (LUC)	2,79			TT Long Phú

(2). Đất trồng cây hằng năm khác:

- Hiện trạng đất trồng cây hằng năm khác năm 2024 của huyện Long Phú là 525,17ha;
- Chu chuyển tăng: 2,00ha; do nhận từ đất chuyên trồng lúa;
- Chu chuyển giảm: 8,77ha; do chuyển sang đất nông nghiệp khác 3,20ha, đất ở tại nông thôn 1,91ha, đất ở tại đô thị 0,60ha, đất thương mại, dịch vụ 0,86ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,83ha, đất công trình giao thông 0,79ha, đất tôn giáo 0,58ha;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 6,77ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất trồng cây hằng năm khác của huyện Long Phú là 518,40ha.

(3). Đất trồng cây lâu năm:

- Hiện trạng đất trồng cây lâu năm năm 2024 của huyện Long Phú là 4.810,01ha;
- Chu chuyển tăng: 19,11ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa;
- Chu chuyển giảm: 12,47ha; do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,20ha, đất ở tại nông thôn 3,33ha, đất ở tại đô thị 0,93ha, đất an ninh 0,04ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,17ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,40ha, đất thương mại, dịch vụ 2,32ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,62ha, đất công trình giao thông 1,25ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,22ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 6,64ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Long Phú là 4.816,65ha.

(4). Đất rừng phòng hộ:

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND về công bố hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, diện tích đất rừng trên địa bàn huyện Long Phú hiện còn 7,09ha đất rừng phòng hộ là rừng trồng (*không còn rừng tự nhiên*).

Đến năm 2025 diện tích đất rừng phòng hộ của huyện Long Phú là 7,09ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

(5). Đất nuôi trồng thủy sản:

- Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 của huyện Long Phú là 242,50ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 0,90ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,40ha, đất thương mại, dịch vụ 0,50ha;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,90ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Long Phú là 241,60ha.

(6). Đất nông nghiệp khác:

- Hiện trạng đất nông nghiệp khác năm 2024 của huyện Long Phú là 55,02ha;
- Chu chuyển tăng: 9,70ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 6,30ha, đất trồng cây hằng năm khác 3,20ha, đất trồng cây lâu năm 0,20ha;
- Chu chuyển giảm: 0,00ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 9,70ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Long Phú là 64,72ha.

B. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Đến năm 2025 diện tích nhóm đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện Long Phú là 4.982,32ha, tăng 34,94ha so với năm 2024 do nhóm đất nông nghiệp chuyển sang. Cụ thể:

(1). Đất ở tại nông thôn:

- Hiện trạng đất ở tại nông thôn năm 2024 của huyện Long Phú là 359,93ha;
- Chu chuyển tăng: 9,20ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 3,45ha, đất trồng cây hằng năm khác 1,91ha, đất trồng cây lâu năm 3,33ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,10ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,39ha, đất phi nông nghiệp khác 0,01ha;
- Chu chuyển giảm: 0,36ha, do chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,03ha, đất công trình giao thông 0,33ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 8,84ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Long Phú là 368,77ha.

Bảng 18: Danh mục công trình, dự án đất ở tại nông thôn và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các công trình, dự án					
1	Khu tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Long Phú (Khu tái định cư ấp Tân Lập)	0,34 (ONT)		0,34	0,17 (HNK) 0,17 (DGD)	Xã Long Phú
II	Các cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất					
1	Bán đấu giá khu đất Trường TH Long Đức A (điểm lẻ), ấp Hòa Hưng, xã Long Đức	0,08 (ONT)		0,08	DGD	Xã Long Đức
2	Bán đấu giá Đất UBND xã Long Đức, ấp Thạnh Đức, xã Long Đức	0,05 (ONT)		0,05	CLN	Xã Long Đức
3	Bán đấu giá Đất UBND xã Long Đức (đất trống cấp đường vào trường THCS Long Đức), ấp Thạnh Đức, xã Long Đức	0,08 (ONT)		0,08	CLN	Xã Long Đức
4	Bán đấu giá khu đất Trường TH Trường Khánh B (điểm lẻ), ấp Trường Bình, xã Trường Khánh	0,02 (ONT)		0,02	DGD	Xã Trường Khánh
5	Bán đấu giá khu đất do UBND xã quản lý (Kho vật tư), ấp Trường Thành A, xã Trường Khánh	0,01 (ONT)		0,01	PNK	Xã Trường Khánh
6	Bán đấu giá khu đất Trường Mẫu giáo Long Phú (Điểm Tả Núp), ấp Bưng Long, xã Long Phú	0,04 (ONT)		0,04	DGD	Xã Long Phú
7	Bán đấu giá khu đất Trường TH Long Phú A (Điểm lẻ), ấp Bưng Thum, xã Long Phú	0,03 (ONT)		0,03	DGD	Xã Long Phú

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Bán đấu giá khu đất Ban nhân dân ấp Sóc Dong, ấp Sóc Dong, xã Tân Hưng	0,01 (ONT)		0,01	TSC	Xã Tân Hưng
9	Bán đấu giá khu đất Trường TH Phú Hữu A (điểm Phú Thứ, cặp sông Saintard), ấp Phú Thứ, xã Phú Hữu	0,03 (ONT)		0,03	DGD	Xã Phú Hữu
10	Bán đấu giá khu đất Trường TH Châu Khánh A, ấp Ba, xã Châu Khánh	0,03 (ONT)		0,03	DGD	Xã Châu Khánh
11	Bán đấu giá Trạm Y tế ấp Phụng Tường 1 xã Song Phụng	0,10 (ONT)		0,10	DYT	Xã Song Phụng

(2). Đất ở tại đô thị:

- Hiện trạng đất ở tại đô thị năm 2024 của huyện Long Phú là 103,88ha;
- Chu chuyển tăng: 4,52ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 1,40ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,60ha, đất trồng cây lâu năm 0,93ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,40ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20ha, đất an ninh 0,06ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,25ha, đất thương mại, dịch vụ 0,04ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,22ha, đất công trình giao thông 0,05ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,37ha;
- Chu chuyển giảm: 0,43ha, do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 4,09ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất ở tại đô thị của huyện Long Phú là 107,97ha.

Bảng 19: Danh mục công trình, dự án đất ở tại đô thị và cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất năm năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các công trình, dự án					
1	Giao đất để ổn định cho các hộ dân thuộc Khu vực Lò đường Quốc doanh (cũ), đối diện Trung tâm Y tế, cặp đường Đặng Quang Minh (đoạn từ cổng Bệnh viện đến kênh Ba Tâm), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,09 (ODT)	0,09			TT Long Phú
2	Giao đất để ổn định cho 10 hộ dân thuộc khu đất UBND TT Long Phú quản lý (đối diện UBND TT Long Phú)	0,11 (ODT)	0,11			TT Long Phú
3	Giao đất để ổn định cho 02 hộ dân thuộc khu đất Lò mổ gia súc Ấp 2, thị trấn Long Phú	0,02 (ODT)	0,02			TT Long Phú

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,04 (ODT)		0,04	CAN	TT Long Phú
5	Giao đất để ổn định cho hộ dân thuộc khu đất UBND huyện quản lý (đất công an cũ) ấp 4, thị trấn Long Phú	0,02 (ODT)		0,02	CAN	TT Long Phú
6	Khu chuyển công năng Chợ Đập sang đất ở tại đô thị	0,45 (ODT)		0,45	0,37 (DCH) 0,05 (DGT) 0,03 (CLN)	TT Long Phú
II	Các cơ sở nhà, đất thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất					
1	Bán đấu giá khu đất Công ty TNHH Hưng Phú, ấp 4, thị trấn Long Phú	0,01 (ODT)		0,01	SKC	TT Long Phú
2	Ủy ban nhân dân huyện quản lý tại Ấp 3, thị trấn Long Phú (vị trí trước đây bố trí tạm trụ sở của Công an huyện, hiện đang để trống không còn sử dụng)	0,08 (ODT)		0,08	TSC	TT Long Phú
3	Bán đấu giá khu đất Trường Mầm non TT Long Phú (điểm lẻ), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,02 (ODT)		0,02	DGD	TT Long Phú
4	Bán đấu giá khu đất UBND huyện quản lý (đổi diện khu đất trại giam cũ), ấp 5, thị trấn Long Phú	0,01 (ODT)	0,01			TT Long Phú
5	Bán đấu giá khu đất Trường TH TT Long Phú C, ấp 1, thị trấn Long Phú	0,23 (ODT)		0,23	DGD	TT Long Phú
6	Bán đấu giá khu đất UBND TT Long Phú (Kho thuốc sâu cũ), ấp 2, thị trấn Long Phú	0,03 (ODT)	0,03			TT Long Phú
7	Bán đấu giá khu đất UBND TT Đại Ngãi (đất trống khu Điện lực), ấp Ngãi Hội 1, TT Đại Ngãi	0,03 (ODT)	0,03			TT Đại Ngãi
8	Bán đấu giá Trụ sở UBND thị trấn Đại Ngãi ấp Ngãi Hội 2 thị trấn Đại Ngãi	0,12 (ODT)		0,12	TSC	TT Đại Ngãi

(3). Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

- Hiện trạng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 của huyện Long Phú là 16,51ha;
- Chu chuyển tăng: 0,33ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 0,16ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,17ha;
- Chu chuyển giảm: 0,68ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,01ha, đất ở tại đô thị 0,20ha, đất an ninh 0,39ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,08ha;

- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,35ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Long Phú là 16,16ha.

Bảng 20: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	0,16 (TSC) 0,14 (DGT)		0,30	0,27 (LUC) 0,03 (ONT)	Xã Tân Thạnh
2	Ban chỉ huy quân sự xã Long Phú	0,17 (TSC)		0,17	DGD	Xã Long Phú

(4). Đất quốc phòng:

Đến năm 2025 diện tích đất quốc phòng của huyện Long Phú là 4,88ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

(5). Đất an ninh:

- Hiện trạng đất an ninh năm 2024 của huyện Long Phú là 6,56ha;
- Chu chuyển tăng: 0,71ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 0,28ha, đất trồng cây lâu năm 0,04ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,39ha;
- Chu chuyển giảm: 0,06ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 0,65ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất an ninh của huyện Long Phú là 7,20ha.

Bảng 21: Danh mục công trình, dự án đất an ninh năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trụ sở công an xã Châu Khánh	0,17 (CAN)		0,17	LUC	Xã Châu Khánh
2	Trụ sở công an xã Tân Hưng	0,145 (CAN)		0,145	0,11 (LUC) 0,035 (CLN)	Xã Tân Hưng
3	Trụ sở công an xã Tân Thạnh	0,39 (CAN)		0,39	TSC	Xã Tân Thạnh

(6). Đất xây dựng công trình sự nghiệp

- Hiện trạng đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2024 của huyện Long Phú là 44,82ha;
- Chu chuyển tăng: 3,37ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 1,30ha, đất trồng cây lâu năm 1,57ha, đất ở tại nông thôn 0,03ha, đất ở tại đô thị 0,43ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,01ha, đất phi nông nghiệp khác 0,03ha;
- Chu chuyển giảm: 1,11ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,49ha, đất ở tại đô thị 0,25ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,20ha;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 2,26ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện Long Phú là 47,08ha.

a). Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

- Hiện trạng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2024 của huyện Long Phú là 1,49ha;
- Chu chuyển tăng: 2,87ha, do nhận từ đất trồng cây lâu năm 1,17ha, đất ở tại đô thị 0,43ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,23ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,01ha, đất phi nông nghiệp khác 0,03ha;
- Chu chuyển giảm: 0,00ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 2,87ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện Long Phú là 4,37ha.

Bảng 22: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhà văn hóa ấp Thanh Đức	0,03 (DVH)		0,03	DGD	Xã Long Đức
2	Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Bung Thum	0,10 (DVH)		0,10	DGD	Xã Long Phú
3	Nhà văn hóa ấp Phú Đức	0,23 (DVH)		0,23	DGD	Xã Long Phú
4	Nhà văn hóa và khu thể thao ấp Kinh Ngang	0,11 (DVH)		0,11	DGD	Xã Long Phú
5	Nhà văn hóa ấp Tân Hội	0,12 (DVH)		0,12	DGD	Xã Tân Thạnh
6	Nhà văn hóa ấp Ngã Tư	0,07 (DVH)		0,07	DGD	Xã Tân Thạnh
7	Nhà văn hóa ấp Cái Xe	0,05 (DVH)		0,05	DGD	Xã Tân Thạnh
8	Nhà văn hóa ấp Cái Đường	0,03 (DVH)		0,03	CLN	Xã Tân Thạnh
9	Nhà văn hóa ấp Mương Tra	0,11 (DVH)		0,11	DGD	Xã Tân Thạnh
10	Nhà văn hóa ấp Ngọn	0,05 (DVH)		0,05	CLN	Xã Hậu Thạnh
11	Nhà văn hóa ấp Ngãi Phước	0,05 (DVH)		0,05	DGD	TT Đại Ngãi
12	Nhà văn hóa ấp Ngãi Hội 2	0,01 (DVH)		0,01	DSH	TT Đại Ngãi
13	Nhà văn hóa liên ấp Ngãi Hòa - An Đức	0,08 (DVH)		0,08	DGD	TT Đại Ngãi
14	Nhà văn hóa ấp Trường An	0,05 (DVH)		0,05	0,02 (CLN) 0,03 (DGD)	Xã Trường Khánh
15	Nhà văn hóa ấp Trường Thọ	0,14 (DVH)		0,14	DGD	Xã Trường Khánh
16	Nhà văn hóa ấp Trường Bình	0,11 (DVH)		0,11	DGD	Xã Trường Khánh
17	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,803 (DVH)	0,30	1,503	1,073 (CLN) 0,43 (ODT)	TT Long Phú
18	Nhà văn hóa ấp Trường Thành B	0,03 (DVH)		0,03	PNK	Xã Trường Khánh

b). Đất xây dựng cơ sở y tế:

- Hiện trạng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2024 của huyện Long Phú là 5,66ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 0,10ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,10ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của huyện Long Phú là 5,56ha.

c). Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Hiện trạng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2024 của huyện Long Phú là 36,21ha;
- Chu chuyển tăng: 1,73ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 1,30ha, đất trồng cây lâu năm 0,40ha, đất ở tại nông thôn 0,03ha;
- Chu chuyển giảm: 2,04ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,39ha, đất ở tại đô thị 0,25ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,23ha;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,31ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Long Phú là 35,90ha.

Bảng 23: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở GD-ĐT năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Mở rộng trường tiểu học Hậu Thạnh	0,42 (DGD)	0,32	0,10	CLN	Xã Hậu Thạnh
2	Mở rộng trường tiểu học Tân Hưng C	0,53 (DGD)	0,40	0,13	LUC	Xã Tân Hưng
3	Trường Trung học phổ thông Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	1,50 (DGD)		1,50	1,17 (LUC) 0,30 (CLN) 0,03 (ONT)	Xã Song Phụng

d). Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:

Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao của huyện Long Phú là 0,87ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

e). Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:

- Hiện trạng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2024 của huyện Long Phú là 0,58ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 0,20ha, do chuyển sang đất công trình cấp nước, thoát nước;
- Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác của huyện Long Phú là 0,38ha.

(7). Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

- Hiện trạng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2024 của huyện Long Phú là 93,76ha;

- Chu chuyển tăng: 14,05ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 6,92ha, đất trồng cây hằng năm khác 1,69ha, đất trồng cây lâu năm 4,94ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,5ha;

- Chu chuyển giảm: 0,33ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,26ha, đất công trình giao thông 0,07ha;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 13,72ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện Long Phú là 107,48ha.

a). Đất thương mại, dịch vụ:

- Hiện trạng đất thương mại, dịch vụ năm 2024 của huyện Long Phú là 86,97ha;

- Chu chuyển tăng: 7,45ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 3,62ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,86ha, đất trồng cây lâu năm 2,32ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,50ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,15ha;

- Chu chuyển giảm: 0,10ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,04ha, đất công trình giao thông 0,06ha;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 7,35ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện Long Phú là 94,32ha.

Bảng 24: Danh mục công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu du lịch – thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyền (Sân Golf)	90,00 (TMD)	90,00			Xã Song Phụng

b). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

- Hiện trạng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024 của huyện Long Phú là 6,80ha;

- Chu chuyển tăng: 6,75ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 3,30ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,83ha, đất trồng cây lâu năm 2,62ha;

- Chu chuyển giảm: 0,38ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,22ha, đất thương mại, dịch vụ 0,15ha, đất công trình giao thông 0,01ha;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 6,37 ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Long Phú là 13,17ha.

(8). Đất sử dụng vào mục đích công cộng:

- Hiện trạng đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2024 của huyện Long Phú là 1.638,68ha;

- Chu chuyển tăng: 5,64ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 2,69ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,79ha, đất trồng cây lâu năm 1,37ha, đất ở tại nông thôn 0,33ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,20ha, đất thương mại, dịch vụ 0,06ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01ha, đất phi nông nghiệp khác 0,02ha;

- Chu chuyển giảm: 0,43ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,42ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,01ha;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 5,21ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện Long Phú là 1.643,88ha.

a). Đất công trình giao thông:

- Hiện trạng đất công trình giao thông năm 2024 của huyện Long Phú là 462,92ha;

- Chu chuyển tăng: 4,14ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 1,69ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,79ha, đất trồng cây lâu năm 1,25ha, đất ở tại nông thôn 0,33ha, đất thương mại, dịch vụ 0,06ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01ha, đất công trình thủy lợi 0,01ha;

- Chu chuyển giảm: 0,05ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị;

- Cân đối tăng (giảm): tăng 4,09ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất công trình giao thông của huyện Long Phú là 467,01ha.

Bảng 25: Danh mục công trình, dự án đất công trình giao thông năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các công trình, dự án đất công trình giao thông					
1	GPMB bổ sung hạng mục kê gia cố bờ sông trên luồng Trần Đề (thuộc Dự án ĐTXD cầu Đại Ngãi trên QL60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng)	0,40 (DGT)		0,40	0,13 (HNK) 0,26 (CLN) 0,01 (DTL)	Xã Long Đức
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng	3,23 (DGT)		3,23	1,50 (LUC) 0,66 (HNK) 0,70 (CLN) 0,06 (TMD) 0,01 (SKC) 0,30 (ONT)	Xã Tân Thạnh Xã Tân Hưng

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Đường đầu nối cống Âu Rạch Mộp, xã Song Phụng, huyện Long Phú	0,37 (DGT)		0,37	0,08 (LUC) 0,29 (CLN)	Xã Song Phụng
II Đất công trình giao thông thuộc các dự án khác						
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	0,14 (DGT)		0,14	0,11 (LUC) 0,03 (ONT)	Xã Tân Thạnh

b). Đất công trình thủy lợi:

- Hiện trạng đất công trình thủy lợi năm 2024 của huyện Long Phú là 937,19ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 0,01ha, do chuyển sang đất công trình giao thông;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,01ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất công trình thủy lợi của huyện Long Phú là 937,18ha.

c). Đất công trình cấp nước, thoát nước:

- Hiện trạng đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2024 của huyện Long Phú là 0,00ha;
- Chu chuyển tăng: 1,52ha, do nhận từ đất chuyên trồng lúa 1,00ha, đất trồng cây lâu năm 0,22ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,20ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,01ha, đất phi nông nghiệp khác 0,02ha;
- Chu chuyển giảm: 0,00ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 1,52ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước của huyện Long Phú là 1,52ha.

Bảng 26: Danh mục công trình, dự án đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhà máy nước mặt (bao gồm phần diện tích trạm bơm 0,10ha)	1,10 (DCT)		1,10	1,00 (LUC) 0,10 (CLN)	Xã Châu Khánh
2	Trạm cấp nước Phú Hữu, xã Phú Hữu	0,02 (DCT)		0,02	TSC	Xã Phú Hữu
3	Trạm cấp nước Song Phụng, xã Song Phụng	0,03 (DCT)		0,03	TSC	Xã Song Phụng
4	Trạm cấp nước Trường Khánh 1, xã Trường Khánh	0,02 (DCT)		0,02	0,004 (DCH) 0,018 (PNK)	Xã Trường Khánh

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Trạm cấp nước Trường Khánh 2, xã Trường Khánh	0,11 (DCT)		0,11	DTS	Xã Trường Khánh
6	Trạm cấp nước Tân Thạnh, xã Tân Thạnh	0,03 (DCT)		0,03	TSC	Xã Tân Thạnh
7	Trạm cấp nước Châu Khánh, xã Châu Khánh	0,11 (DCT)		0,11	CLN	Xã Châu Khánh
8	Hệ cấp nước Sóc Dong, xã Tân Hưng	0,007 (DCT)		0,007	DTS	Xã Tân Hưng
9	Hệ cấp nước Tân Lịch, xã Tân Hưng	0,005 (DCT)		0,005	CLN	Xã Tân Hưng
10	Trạm cấp nước Long Phú, xã Long Phú	0,085 (DCT)		0,085	DTS	Xã Long Phú
11	Hệ cấp nước áp 5 Long Phú, TT Long Phú	0,004 (DCT)		0,004	DCH	TT Long Phú

d). Đất công trình xử lý chất thải:

Đến năm 2025 diện tích đất công trình xử lý chất thải của huyện Long Phú là 5,64ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

e). Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:

Đến năm 2025 diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của huyện Long Phú là 230,54ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

f). Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:

Đến năm 2025 diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin của huyện Long Phú là 0,46ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

g). Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:

- Hiện trạng đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2024 của huyện Long Phú là 1,35ha;

- Chu chuyển tăng: 0,00ha;

- Chu chuyển giảm: 0,38ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,37ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,01ha;

- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,38ha;

- Đến năm 2025 diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối của huyện Long Phú là 0,97ha.

h). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:

- Hiện trạng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2024 của huyện Long Phú là 0,58ha;

- Chu chuyển tăng: 0,00ha;

- Chu chuyển giảm: 0,01ha, do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa;

- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,01ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng của huyện Long Phú là 0,57ha.

(9). Đất tôn giáo:

- Hiện trạng đất tôn giáo năm 2024 của huyện Long Phú là 18,51ha;
- Chu chuyển tăng: 0,58ha, do nhận từ đất trồng cây hằng năm khác;
- Chu chuyển giảm: 0,00ha;
- Cân đối tăng (giảm): tăng 0,58ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất tôn giáo của huyện Long Phú là 19,09ha.

Bảng 27: Danh mục công trình, dự án đất tôn giáo năm 2025

STT	Hạng mục	DT thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Tổng DT (ha)	Sử dụng vào DT từng loại đất	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thánh Tịnh Ngọc Thiên Cung	0,58 (TON)		0,58	HNK	Xã Long Phú

(10). Đất tín ngưỡng:

Đến năm 2025 diện tích đất tín ngưỡng của huyện Long Phú là 8,89ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

(11). Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:

Đến năm 2025 diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt của huyện Long Phú là 35,79ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

(12). Đất có mặt nước chuyên dùng:

Đến năm 2025 diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Long Phú là 2.613,55ha (*toàn bộ là đất mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối*), ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2024.

(13). Đất phi nông nghiệp khác:

- Hiện trạng đất phi nông nghiệp khác năm 2024 của huyện Long Phú là 1,63ha;
- Chu chuyển tăng: 0,00ha;
- Chu chuyển giảm: 0,06ha, do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,01ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,03ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0,02ha;
- Cân đối tăng (giảm): giảm 0,06ha;
- Đến năm 2025 diện tích đất phi nông nghiệp khác của huyện Long Phú là 1,57ha.

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Long Phú không còn đất chưa sử dụng.

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú, cụ thể như sau:

Bảng 28: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	6,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3,11
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3,11
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0,79
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2,76
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,83
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,33
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,43
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	
2.5	Đất an ninh	CAN	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,07

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,06
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,01
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	
2.9	Đất tôn giáo	TON	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2025 theo từng đơn vị hành chính cấp xã thể hiện chi tiết trong **Biểu 19/CH - Phụ lục số 1**).

3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng năm 2025 của huyện Long Phú, cụ thể như sau:

Bảng 29: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	34,94
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	16,20
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	5,57

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	12,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,90
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		27,41
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	27,41
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	NPC/CNT	
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		1,85
	<i>Trong đó:</i>		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PCN	
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,70
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	0,15

Ghi chú:

- NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;
- PNN là mã loại đất theo quy hoạch;
- MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.

(Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2025 theo từng đơn vị hành chính cấp xã thể hiện chi tiết trong **Biểu 20/CH - Phụ lục số 1**).

3.6. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

Huyện Long Phú không có diện tích tiếp giáp với biển.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Danh mục các công trình dự án trong năm kế hoạch 2025 của huyện Long Phú được thể hiện chi tiết trong **Biểu 25/CH - Phụ lục số 1**.

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch

3.8.1. Cơ sở tính toán:

Các văn bản quy định, hướng dẫn từ Trung ương gồm:

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Các văn bản quy định của tỉnh Sóc Trăng:

- Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020-2024;
- Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;
- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú.

3.8.2. Phương pháp tính

Đối với các khoản thu:

- Thu tiền sử dụng đất từ việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: tính bình quân 800.000 đồng/m².
- Thu tiền sử dụng đất từ việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: tính bình quân 250.000 đồng/m².
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất thương mại, dịch vụ (thu 1 lần = 80% giá đất ở):
 - + Khu vực thị trấn: 640.000 đồng/m²;
 - + Các khu vực còn lại trên địa bàn các xã: 200.000 đồng/m².
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất phi nông nghiệp (thu 1 lần = 60% giá đất ở):

- + Khu vực thị trấn: 480.000 đồng/m²;
- + Các khu vực còn lại trên địa bàn các xã: 150.000 đồng/m².

Đối với các khoản chi:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hằng năm 45.000 đồng/m²;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm 55.000 đồng/m²;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản 45.000 đồng/m²;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại đô thị 800.000 đồng/m²;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn 250.000 đồng/m²;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất phi nông nghiệp khác bằng 80% giá đất ở;
- Chi hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3.9.3. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất:

Dự kiến bảng thu – chi về đất như sau:

Bảng 30: Ước tính thu – chi từ đất theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)*10.000	(5)	(6)=(4)*(5)
I	Các khoản thu				
1	Thu tiền khi giao đất ở tại nông thôn (do chuyển mục đích sử dụng đất)	8,39	83.900	250.000	20,98
2	Thu tiền khi giao đất ở tại đô thị (do chuyển mục đích sử dụng đất)	3,55	35.500	800.000	28,40
3	Thu tiền khi bán đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền đất ở tại nông thôn	0,40	4.000	250.000	1,00
4	Thu tiền khi bán đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền đất ở tại đô thị	0,49	4.900	800.000	3,92
5	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất thương mại, dịch vụ (do chuyển mục đích sử dụng đất)				
-	Khu vực thị trấn (TT. Long Phú và TT. Đại Ngãi)	3,50	35.000	640.000	0,45
-	Khu vực khác (các xã)	93,95	939.500	200.000	3,76
6	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (do chuyển mục đích sử dụng đất)				
-	Khu vực thị trấn (TT. Long Phú và TT. Đại Ngãi)	3,34	33.370	480.000	0,32
-	Khu vực khác (các xã)	4,10	41.040	150.000	0,12
7	Lệ phí trước bạ và thuế sử dụng đất				0,34
	Tổng thu				59,28

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)*10.000	(5)	(6)=(4)*(5)
II	Các khoản chi				
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp				
-	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	3,11	31.100	45.000	1,40
-	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hằng năm	0,79	7.900	45.000	0,36
-	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	2,76	27.580	55.000	1,52
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn	0,33	3.300	250.000	0,83
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại đô thị	0,43	4.300	800.000	3,44
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất thương mại, dịch vụ				
-	Khu vực thị trấn (TT. Long Phú và TT. Đại Ngãi)			640.000	
-	Khu vực khác (các xã)	0,06	600	200.000	0,12
5	Chi bồi thường khi thu hồi đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				
-	Khu vực thị trấn (TT. Long Phú và TT. Đại Ngãi)			480.000	
-	Khu vực khác (các xã)	0,01	100	150.000	0,02
6	Chi bồi thường đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất thu hồi				1,53
7	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm việc làm đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp				4,91
	Tổng chi				14,11
III	Cân đối thu chi				45,17

Trên đây chỉ là dự kiến thu - chi ước tính dựa trên bảng giá đất và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Kết quả thu - chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai thực hiện dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

4.1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường

- Giữ ổn định diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt nhằm đảm bảo vấn đề về an ninh lương thực; Đồng thời vận dụng các chính sách hỗ trợ đất trồng lúa của Chính phủ để hỗ trợ người sản xuất theo tinh thần Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa. Nghiêm cấm việc chuyển đổi đất trồng lúa sang các mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ngoài các quy định hiện hành về sử dụng đất trồng lúa.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo của huyện. Hình thành, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người sản xuất đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên,... nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Hạn chế việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu; đồng thời tuyên truyền, vận động sử dụng các loại phân bón hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp. Giảm thiểu hiện tượng nhiễm mặn thông qua chính sách quản lý và bảo vệ lưu vực sông.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn huyện. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn huyện nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Các tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn huyện trước khi thực hiện lập thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước để thực hiện các công trình, dự án phải chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; Trong đó, độ sâu tầng đất mặt phải

bóc tách tối thiểu từ 20 cm tính từ mặt ruộng. Trước khi san lấp mặt bằng phải thực hiện việc bóc, tách tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thuộc phạm vi ranh giới thực hiện; vận chuyển, sử dụng lớp đất mặt vào mục đích nông nghiệp theo phương án sử dụng tầng đất mặt đã lập.

- Ủy ban nhân dân huyện Long Phú tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan và chỉ đạo tổ chức kiểm tra thường xuyên để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm; xử lý nghiêm các đơn vị cấp phép không đúng quy định hoặc buông lỏng quản lý để phát sinh tình hình khai thác đất mặt, đất bờ kênh trái phép tại địa phương theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 741/UBND-KT ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc chấn chỉnh và tiếp tục tăng cường trách nhiệm trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác đất mặt trồng lúa, đất bờ kênh trái phép trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Để cải tạo, nâng cao năng suất đất trồng lúa (nhằm bù đắp lại phần diện tích đất trồng lúa mất đi để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) cần áp dụng các giải pháp sau:

+ Quy hoạch, phát triển các cơ sở và diện tích sản xuất lúa giống; tiếp tục thử nghiệm các giống lúa có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện chuyển giao các biện pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng quy trình tiêu chuẩn hóa và tổ chức phổ biến, truyền đạt kỹ thuật canh tác, tiến đến xây dựng một số vùng lúa đạt tiêu chuẩn Viet GAP.

+ Hỗ trợ, khuyến khích nông dân thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn.

+ Cần đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi, giao thông nội đồng.

+ Cần có giải pháp hỗ trợ người nông dân trong khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận với các nguồn vốn vay ở địa phương thông qua các dự án tín dụng.

+ Cải tiến công nghệ thu hoạch nhằm giảm bớt mức thiệt hại ở khâu thu hoạch, cơ giới hóa trong quá trình thu hoạch lúa để rút ngắn thời gian thu hoạch, tránh thiệt hại do thiên tai gây ra và chuẩn bị kịp thời cho vụ tiếp theo.

4.1.2. Giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu

Nhằm giảm thiểu rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch. Căn cứ theo Quyết định số

1422/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đề xuất các giải pháp ứng phó như sau:

- Tăng cường năng lực quản lý, giám sát biến đổi khí hậu:

+ Theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo khí tượng, thủy văn, xâm nhập mặn do các cơ quan chuyên ngành khí tượng, thủy văn và các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp; tổ chức đo đạc thường xuyên độ mặn tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn để kịp thời nắm bắt tình trạng xâm nhập mặn.

+ Tăng cường cung cấp thông tin đến các cơ quan, đơn vị sử dụng thông tin khí tượng, thủy văn, biến đổi khí hậu trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng. Hướng dẫn tiếp cận thông tin khí hậu và dự báo khí hậu cho người dân nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

+ Thực hiện ngay những nhiệm vụ cấp bách về phòng chống sạt lở, sụt lún đối với một số khu vực bờ sông có nguy cơ sạt lở như: điều tra hiện trạng, khẩn cấp di dời các hộ dân bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực nguy hiểm có nguy cơ sạt lở, đầu tư kiên cố một số đoạn đê xung yếu, tổ chức và huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ, duy tu đê điều hằng năm.

+ Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; kịp thời xây dựng, kiên toàn, điều chỉnh, bổ sung phương án, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

- Giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

+ Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành và địa phương, hạn chế tối đa các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các dự án phát triển kinh tế sử dụng lãng phí, khai thác không hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát thải khí nhà kính, hủy hoại cảnh quan, sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là vùng đầu nguồn nước, khu dân cư.

+ Phát triển công nghiệp gắn liền với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường; Khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng năng lượng hiệu quả và phát thải thấp.

+ Xây dựng và áp dụng mô hình kỹ thuật canh tác và chăn nuôi giảm phát thải khí nhà kính với từng hệ thống canh tác; hoàn thiện và triển khai trên diện rộng hệ thống canh tác, nuôi trồng thủy sản tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và ít phát thải. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng đang phối hợp với các đơn vị triển khai Đề án một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2024 - 2030 và Đề

xuất Dự án hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cho lúa phát thải thấp (*trong đó huyện Long Phú đã đăng ký tham gia 8.150 ha*); đồng thời, khẩn trương tổng hợp vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất chất lượng cao thực hiện theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất lúa, đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

+ Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại để giảm dần việc chôn lấp chất thải tại khu vực đô thị. Khuyến khích hoạt động tái chế và tái sử dụng chất thải.

- *Thích ứng với biến đổi khí hậu:*

+ Tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi như nạo vét kênh rạch, đắp đập tạm, lắp đặt trạm bơm dã chiến tranh thủ vận hành công trình thủy lợi lấy nước, trữ nước để sử dụng khi xâm nhập mặn lên cao, nguồn nước ngọt bị hạn chế; hướng dẫn người dân thực hiện kế hoạch lấy, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

+ Chú trọng đến việc xây dựng và phát huy hiệu quả các hệ thống và công trình thủy lợi đã có, làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch và thực hiện các dự án thủy lợi trong tương lai như: xây dựng hệ thống đê bao, bờ bao, kè chống sạt lở, cống điều tiết, cống ngăn triều - ngăn mặn,... Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan đơn vị quản lý hệ thống thủy lợi nhằm quản lý hiệu quả hơn hệ thống công trình. Hiện nay, dự án cống âu thuyền Rạch Mộp đang được đầu tư xây dựng (*dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành và sử dụng vào cuối năm 2024*); đồng thời, dự án cống âu thuyền Đại Ngãi, Bãi Xào thuộc dự án “*Chống chịu biến đổi khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long*” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2024 (với giai đoạn đầu tư 2026 - 2030), sau khi các dự án này hoàn thành sẽ giúp các địa phương chủ động trong việc điều tiết và kiểm soát nguồn nước (trong đó có huyện Long Phú).

+ Cần thực hiện tốt công tác quy hoạch chuyển đổi các vùng sản xuất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Tăng cường nghiên cứu, lai tạo giống mới có khả năng chống chịu được sâu bệnh, hạn mặn, ngập úng, phù hợp tại từng vùng, từng khu vực; bố trí chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ hợp lý cho các vùng sản xuất theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Đối với các khu vực có địa hình thấp khi xây dựng cần áp dụng những biện pháp về đảm bảo độ cao cốt nền xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu và nước biển dâng (nhất là đối với các khu đô thị và khu

cum công nghiệp). Quy hoạch các điểm dân cư, các dự án kinh tế - xã hội cần tránh các vùng có nguy cơ xói lở, ngập lụt và các khu vực nằm ngoài các tuyến đê bao ngăn lũ.

+ Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, mặt nước thủy sản hiệu quả với sự xem xét tác động trước mắt và tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu, đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp - thủy sản ổn định và bền vững; Quy hoạch sử dụng đất phù hợp với địa hình, hệ sinh thái của từng khu vực nhằm đảm bảo giữ ổn định hệ sinh thái nước ngọt.

- *Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu:*

+ Tiếp tục chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với đời sống nhân dân, sự phát triển bền vững của đất nước. Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên (nhất là nguồn tài nguyên nước, đất); có giải pháp chủ động phòng ngừa, giảm nhẹ tác động của thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Nâng cao nhận thức, hiểu biết cho học sinh các cấp về biến đổi khí hậu thông qua chương trình giáo dục ngoại khóa; xây dựng giải pháp lồng ghép, tích hợp biến đổi khí hậu trong giáo dục tại các cấp học. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực và trình độ chuyên môn trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; kiện toàn bộ máy quản lý về biến đổi khí hậu.

+ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt chú trọng lồng ghép các vấn đề về biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư để gia tăng nguồn đầu tư vào nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu.

- *Giải pháp về tài chính:*

+ Huy động nhiều nguồn lực để triển khai thực hiện; bao gồm: Nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, địa phương, các dự án ODA, từ các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ cao và những vùng chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

+ Ưu tiên đầu tư kinh phí, vật chất cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí vốn, kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng các dự án đăng ký nhưng không thực hiện. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công cần tập trung chỉ đạo thực hiện ngay từ những tháng đầu năm nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, yêu cầu các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch được phê duyệt.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích thu hồi đất trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại - dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Ủy ban nhân dân huyện Long Phú trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân 11 xã, thị trấn trên địa bàn tổ chức công bố công khai, minh bạch thông tin về kế hoạch sử dụng đất; Đồng thời, chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất ngay sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Thực hiện thông báo cho các chủ đầu tư, các địa phương, các cấp - ngành, tổ chức và cá nhân có dự án đăng

ký trong kế hoạch sử dụng đất được biết và có kế hoạch triển khai thực hiện, nhằm đảm bảo tiến độ ghi trong kế hoạch sử dụng đất, tránh tình trạng đăng ký nhưng không tổ chức thực hiện.

- Cần đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát của Nhà nước trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các công trình, dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, kiên quyết thu hồi, hủy bỏ đối với các dự án chậm triển khai, không có khả năng thực hiện.

- Tăng cường khả năng giám sát, kiểm soát việc sử dụng đất thông qua việc sử dụng các công cụ và công nghệ hiện đại. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về sử dụng đất, xây dựng không phép, lấn chiếm đất đai, để răn đe và ngăn ngừa. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, giám sát công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch đất đai. Phát triển các kênh thông tin, tạo điều kiện cho người dân, các tổ chức xã hội tham gia giám sát, góp ý cho công tác quản lý đất đai. Tổ chức các buổi đối thoại giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những vấn đề, bất cập trong quản lý và sử dụng đất.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại - dịch vụ cần đảm bảo phù hợp với khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 và các chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ cho các xã, thị trấn trong năm kế hoạch.

- Đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định của pháp luật; lấn, chiếm đất; hủy hoại đất cần phải xử phạt và có cơ chế, quy định bắt buộc người sử dụng đất khôi phục hiện trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư thực hiện dự án, đặc biệt đối với các thủ tục hành chính, công tác thu hồi đất - giải phóng mặt bằng,...; Cần có sự lựa chọn, thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đất đai theo hướng cải cách quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện thủ

tục hành chính trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...; đơn giản hóa các thủ tục hành chính có liên quan nhằm cắt giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Đối với các dự án có thu hồi đất: Huyện sẽ theo dõi chặt chẽ, đôn đốc việc ban hành Thông báo thu hồi đất, xây dựng Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định và phê duyệt giá đất để tính bồi thường theo đúng quy định. Mặt khác, các chủ đầu tư dự án cần phối hợp chặt chẽ với đơn vị thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng của Huyện để thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất; kịp thời để chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Công tác xây dựng giá đất để tính bồi thường cần thực hiện trên cơ sở điều tra, thu thập các thông tin về thửa đất, về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai, thẩm định giá đất thị trường tại khu vực thu hồi đất, đồng thời áp dụng các phương pháp định giá đất phù hợp, đảm bảo giá đất bồi thường sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường nhằm tạo được sự đồng thuận của người dân có đất bị thu hồi.

- Khi tổ chức thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án cần thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; vận động, khuyến khích người dân bàn giao mặt bằng đúng thời hạn.

- Để thực hiện tốt hơn nữa công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, điều hành của chính quyền, sự vào cuộc quyết liệt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, đối thoại với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi các dự án để người dân đồng ý phương án đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của Nhà nước, vì việc bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án đúng tiến độ cam kết là yếu tố quan trọng để thu hút đầu tư.

- Đối với các dự án xây dựng trên đất công do nhà nước quản lý: kiến nghị Sở Tài chính sớm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất công trên địa bàn huyện Long Phú theo Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, để Ủy ban nhân dân huyện Long Phú có cơ sở thực hiện sắp xếp, điều chuyển và sử dụng đất theo Phương án được phê duyệt.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Phú được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tài nguyên đất đai của huyện; tham khảo, tổng hợp quy hoạch của các ngành có trên địa bàn huyện, đặc biệt là xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tinh phân bổ trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng xã, thị trấn.

Phương án kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý của đất đai phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch. Đây là căn cứ pháp lý để tiến hành giao - thuê đất, thu hồi đất theo luật định và là cơ sở để chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của từng địa bàn.

Từ các yêu cầu và mục đích nêu trên, kết quả phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Long Phú được xác định như sau:

- Đất nông nghiệp đến năm 2025 là 21.493,34ha (chiếm 81,18% diện tích tự nhiên), giảm 34,94ha so với hiện trạng năm 2024;
- Đất phi nông nghiệp đến năm 2025 là 4.982,32ha (chiếm 18,82% diện tích tự nhiên), tăng 34,94ha so với hiện trạng năm 2024.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch sử dụng đất năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú có một số kiến nghị như sau:

- Các chủ đầu tư dự án, các sở ngành có các dự án đầu tư trên địa bàn huyện cần phối hợp tích cực để sớm hoàn thành công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng, giao đất, xây dựng công trình, dự án để sớm đưa vào sử dụng.
- Các thủ tục giao đất, cho thuê đất phải đơn giản hóa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, thu hút đầu tư, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.
- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hỗ trợ về chuyên môn, nhân lực trong công tác bồi thường, thu hồi, chuyển mục đích, giao đất tại các dự án có quy mô lớn, phức tạp trên các lĩnh vực như: công nghiệp, giao thông, thủy lợi,...
- Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, để huyện Long Phú triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

*(Theo quy định tại Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi Trường)*